

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN



TRISEDCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



www.trisedco.com

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG.....	5
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT.....	5
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	5
1. Thành lập và phát triển.....	5
2. Niêm yết.....	7
3. Các sự kiện khác.....	8
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	11
1. Ngành nghề kinh doanh.....	11
2. Địa bàn kinh doanh.....	11
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MẠY QUẢN LÝ.....	12
1. Mô hình quản trị.....	12
2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	12
3. Danh sách công ty mẹ, các công ty liên doanh, liên kết.....	15
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	18
1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty.....	18
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	18
VI. CÁC RỦI RO.....	23
1. Rủi ro về kinh tế.....	23
2. Rủi ro về luật pháp.....	23
3. Rủi ro do đặc thù ngành.....	23
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	24
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	24
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	24
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	42
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	43
1. Danh sách Ban điều hành.....	43
2. Những thay đổi trong Ban điều hành.....	45
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	45
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....	48
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	48
1. Tình hình tài chính.....	48
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	49
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	51
1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần công ty.....	51
2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	51
3. Cơ cấu cổ đông.....	53
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	54
1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	54
2. Tiêu thụ năng lượng.....	54
3. Tiêu thụ nước.....	54
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	54
5. Trách nhiệm đối với cộng đồng.....	54
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	56
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	56
1. Tổng quan về hoạt động của công ty năm 2016.....	56



2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....	57
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	58
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ.....	59
1. Về cơ cấu tổ chức.....	59
2. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực.....	59
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	59
1. Triển vọng năm 2017.....	59
2. Công suất hoạt động khả thi tối đa của nhà máy.....	61
3. Khả năng thu mua phụ phẩm nguyên liệu.....	61
4. Công suất thực tế dự kiến năm 2017.....	62
5. Kế hoạch thương mại năm 2017.....	63
6. Kế hoạch doanh thu thuần 2017.....	63
7. Kế hoạch chi phí giá vốn.....	64
8. Kế hoạch lợi nhuận gộp năm 2017.....	64
9. Dự kiến kết quả kinh doanh năm 2017.....	65
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....	65
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	65
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	66
III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	66
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	67
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	67
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	67
2. Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị.....	67
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	69
II. BAN KIỂM SOÁT.....	70
1. Thành viên, cơ cấu của Ban kiểm soát.....	70
2. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	71
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	72
1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	72
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	72
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.....	72
4. Việc thực hiện các qui định về quản trị của công ty Trisedco.....	72
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	75



THƯ NGỎ
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Kính thưa Quý cổ đông!

Kết thúc năm 2016, mặc dù nền kinh tế trong nước và thế giới diễn biến khá phức tạp, nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản vẫn đạt được một số thành tựu trong sản xuất kinh doanh một cách đáng khích lệ. Để đạt được kết quả này, Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự nỗ lực, đoàn kết của Ban điều hành và tập thể CB-CNV toàn Công ty, luôn giữ vững sự lạc quan, tự tin, lao động ngày đêm để từng bước vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ đề ra cũng như những mục tiêu mà Công ty hướng đến.

Với đội ngũ CB-CNV dày dặn kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn vững vàng và tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết đã luôn cùng sát cánh với Trisedco vượt qua trở ngại để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 21.360.816.186 đồng, năm 2016 lợi nhuận sau thuế đạt 24.416.731.901 đồng, đạt tỉ lệ tăng trưởng là 14,30%.

Để đạt được những thành tích như vậy trong điều kiện nền kinh tế ngày càng leo thang, ngoài sự nỗ lực của tập thể CB-CNV còn phải nói đến sự đóng góp của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng trong suốt chặng đường qua. Quý Cổ đông còn là động lực, niềm tin cho chúng tôi vững vàng từng bước xây dựng nên sự thành công, những đột phá so với mục tiêu đề ra.

Với nhận định năm 2017 còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường từ nền kinh tế thế giới và trong nước, thiên tai, xâm nhập mặn, cùng với sự cạnh tranh đến từ những Công ty thủy sản trong khu vực ngày càng lớn. Công ty tin tưởng vào các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ cùng với tinh thần lạc quan, sự đoàn kết, sáng tạo, cải tiến và thi đua sản xuất kinh doanh, Trisedco sẽ không ngừng nắm bắt cơ hội, phát huy thế mạnh của bản thân để đạt được thành công cao nhất. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể CB-CNV Trisedco cùng quyết tâm cố gắng bập và chạy hết sức mình để cùng xây dựng nên một tập thể Công ty vững mạnh, nhanh chóng đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra năm 2017, làm tiền đề phát triển cho Công ty đến năm 2020, đưa thương hiệu Trisedco lan tỏa và phát triển ra khỏi phạm vi khu vực, hướng đến những tầm cao mới.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác đã luôn chung sức, sát cánh cùng Trisedco trong suốt chặng đường vừa qua. Chân thành cảm ơn gia đình các anh, chị em CB-CNV đã âm thầm hỗ trợ, làm cầu nối, là hậu phương xây dựng mái ấm vững chắc để các cộng sự của chúng tôi an tâm công tác tốt. Toàn thể CB-CNV Công ty cam kết sẽ tiếp tục làm việc và không ngừng phấn đấu để đưa Trisedco trở thành một trong những công ty kinh doanh vững mạnh trong ngành thủy sản Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới.

Trân trọng kính chào!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch đã ký

Lê Văn Chung

A. THÔNG TIN CHUNG.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT.

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

- Tên viết tắt: TRI.SED.CO

- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION**

- Biểu tượng (Logo):



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600895650 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/01/2017 (đăng ký thay đổi lần thứ 17)

- Vốn điều lệ: 381.000.000 đồng.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 381.000.000.000 đồng.

- Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0673 680657

Fax: 0673 680657

- Mã số thuế: 1600895650

- Website: www.trisedco.vn

- Mã cổ phiếu: **DAT**

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

1. Thành lập và phát triển.

Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang, được thành lập ngày 20/06/2007. Sau gần một năm hoạt động, nhận thấy mô hình Công ty Cổ phần sẽ thích hợp cho việc thu hút đầu tư, huy động vốn cũng như tạo được điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, ngày 15/03/2008 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 53 tỷ đồng. Trong quá trình phát triển, công ty đã nhiều lần tăng vốn điều lệ như sau:

* **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 25.228.087.622 đồng lên 97.942.526.109 đồng theo nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2008 ngày 15/05/2008 và nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009.

- Thời gian phát hành : Tháng 12/2009

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu phát hành : 7.271.444 cổ phiếu

- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

* **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 97.942.526.109 đồng lên 125.951.526.109 đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/2009 ngày 05/11/2009.

- Thời gian phát hành : Tháng 11/2010



- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.800.900 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

* **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 125.951.526.109 đồng lên 150.000.000.000 đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD/2009 ngày 05/11/2009 và nghị quyết ĐHCĐ năm 2011 về việc tiếp tục góp thêm vốn lên 150 tỷ.

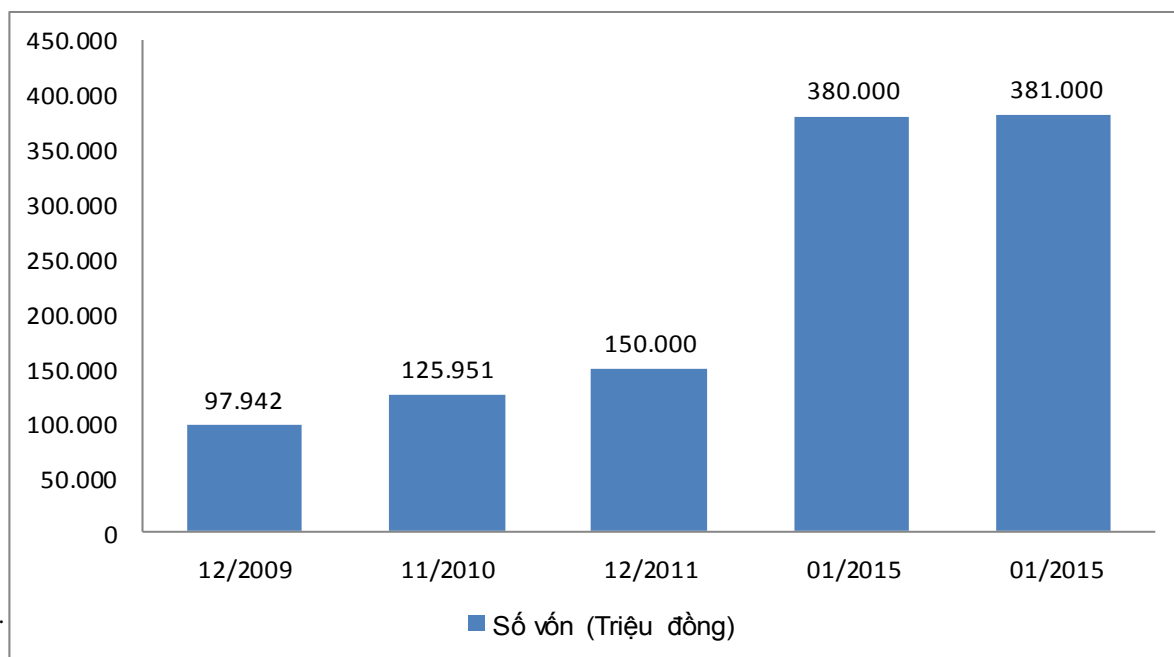
- Thời gian phát hành : Tháng 12/2011
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.404.847 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

* **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng theo nghị quyết số 02/NQ.ĐHCD/2014 ngày 19/10/2014.

- Thời gian phát hành : Tháng 01/2015
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 23.000.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ

* **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn từ 380.000.000.000 đồng lên 381.000.000.000 đồng theo nghị quyết đại hội cổ đông bất thường ngày 15/01/2015 thông qua việc phát hành cho cán bộ công nhân viên.

- Thời gian phát hành : Tháng 01/2015
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 100.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cho cán bộ công nhân viên



Biểu đồ tăng trưởng vốn

2. Niêm yết.

Ngày 06/10/2015, Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 449/QĐ-SGDHCM.

Ngày 05/11/2015, cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.



Lễ trao quyết định niêm yết cổ phiếu



3. Các sự kiện khác.

Với những tiến bộ và thành quả của mình đạt được trong quá trình phát triển, công ty ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường.

BẢNG TÓM TẮT MỘT SỐ THÀNH TÍCH 05 NĂM

Năm	Thành tích
2012	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chứng nhận ISO 22000:2005 do INTERTEK cấp; ▪ Trung ương hội nghề cá Việt Nam cấp chứng nhận đạt Cúp vàng danh hiệu Chất Lượng Vàng thủy sản Việt Nam lần thứ II-2012; ▪ Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp; ▪ Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty TRISEDCO đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2012;
2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Biểu tượng Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 do Ban tổ chức chương trình khảo sát thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng; ▪ Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; ▪ Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y của cục thú y đủ điều kiện sản xuất bột cá, mỡ cá; ▪ Được cấp Giấy phép xuất hàng đi Trung Quốc do Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cấp.



Năm	Thành tích
2014	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ban tổ chức lễ tôn vinh Top 100 doanh nhân doanh nghiệp tiên phong-thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013 trao tặng biểu tượng Top 100 doanh nghiệp tiên phong vì đã có thành tích góp phần xây dựng, phát triển kinh tế đất nước; ▪ Được trao tặng biểu tượng thương hiệu dịch vụ uy tín vì người Việt tại lễ hội “Thương hiệu sản phẩm, dịch vụ uy tín vì người Việt”; ▪ Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp; ▪ Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP do INTERTEK cấp.
2015	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP do INTERTEK cấp.
2016	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP về sản xuất bột cá, mỡ cá từ phụ phẩm cá tra, ba sa do INTERTEK cấp. ▪ Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm bột cá, mỡ cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cấp. ▪ Tạp chí tư vấn Tiêu & Dùng (Thời báo kinh tế Việt Nam) bình chọn đầu ăn cao cấp Ranee nằm trong TOP đầu trong 100 thương hiệu sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùng Việt Nam.



Ký hợp đồng với Koyo Group



Tập đoàn Sao Mai đón nhận huân chương lao động hạng III

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.

1. Ngành nghề kinh doanh.

Công ty đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

- Sản lập mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng công trình giao thông (*cầu, đường, cống, . . .*); Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét.

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

- Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại; Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh khu vui chơi, giải trí.

- Nuôi thủy sản; Sản xuất, chế biến thực phẩm; Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; Dầu, mỡ động thực vật.

- Mua bán gạo, tấm; Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Sản xuất, đóng hộp dầu, mỡ động, thực vật; Mua bán phân bón, cám; Sản xuất phân bón và hộp chất nito.

- Xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất, chế biến lương thực.

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất, phân phối khí nito và khí nén.

- Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

Hiện tại lĩnh vực kinh doanh chính là: Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; Dầu, mỡ động thực vật. Cụ thể là sản xuất chế biến phụ phẩm từ cá tra, cá basa.

2. Địa bàn kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh của công ty Trisedco chủ yếu tập trung ở các tỉnh: Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Đồng Nai...



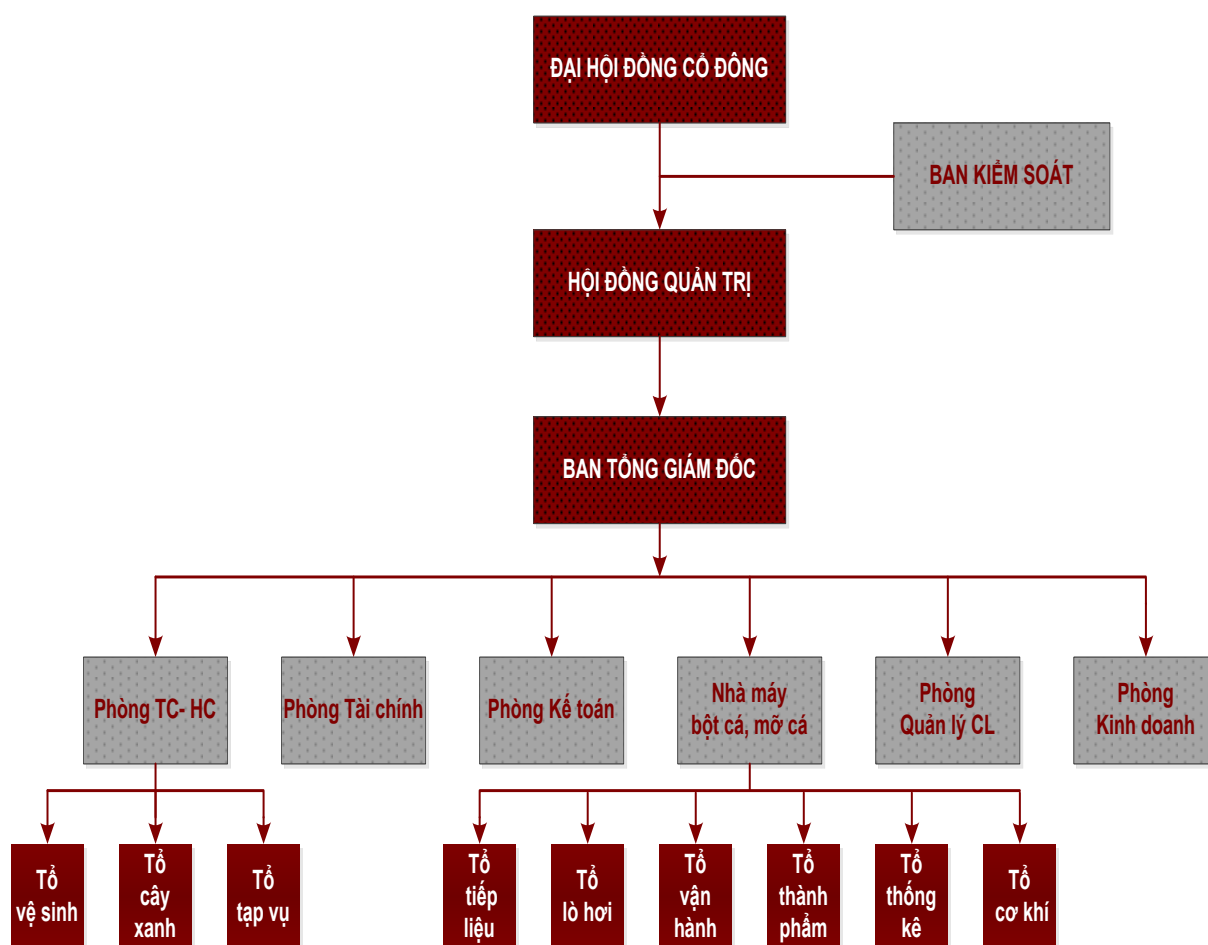
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.

1. Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng, để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

BỘ MÁY QUẢN LÝ



2.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của TRISEDCO. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.



Đại hội cổ đông thường niên năm 2016

2.2. Hội Đồng Quản Trị.

Là cơ quan quản trị của TRISEDCO, có toàn quyền nhân danh TRISEDCO để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của TRISEDCO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của TRISEDCO;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của TRISEDCO;

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc;

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của TRISEDCO;

- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ TRISEDCO quy định.

Hội đồng quản trị của công ty bao gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ông Lê Văn Chung | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Xuân Quế | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
(được bổ nhiệm TGD từ ngày 01/01/2017) |
| - Ông Nguyễn Văn Hưng | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty. |
| - Ông Lê Thanh Thuận | Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Văn Chính | Thành viên HĐQT kiêm TGD
(được miễn nhiệm TGD từ ngày 01/01/2017) |
| - Ông Trương Vĩnh Thành | Thành viên HĐQT |
| - Ông Hồ Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Văn Thành | Thành viên HĐQT |

2.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

- Bà Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Trịnh Thị Ngọc	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên ban kiểm soát

2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của TRISED CO;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của TRISED CO;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của TRISED CO;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong TRISED CO, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.
- Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

- Ông Lê Xuân Quế	Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Gia Thuần	Kế toán trưởng

2.5 Chức năng & nhiệm vụ của các Phòng Ban.

* *Phòng Tài chính - Kế toán:*

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban TGD Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán.
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách Công ty TRISED CO theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng;
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư;
- Quản lý việc sử dụng và phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

* *Phòng Kinh doanh:*

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời giá cả thị trường, hoàn thiện các hợp đồng mua bán.
- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của Công ty TRISED CO;
- Phản hồi các thông tin từ khách hàng lên Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh chính sách thích hợp;
- Thực hiện thông kê hàng tồn kho, theo dõi việc mua bán hàng hóa, nhập xuất vật tư;

- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, các loại hình kinh doanh;
- Thực hiện các thủ tục về bán hàng và thu hồi công nợ cho Công ty.

*** Phòng Quản lý Chất lượng:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc nắm bắt kịp thời, kiểm soát chất lượng hàng hóa Công ty.

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo các chương trình đang áp dụng;
- Kiểm soát chất lượng hàng hóa theo các tiêu chuẩn về QLCL và báo cáo kịp thời lên Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trong trường hợp hàng hóa không đủ tiêu chuẩn để có hướng giải quyết kịp thời.

*** Phòng Nhân sự:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc hoạt động nhân sự của Công ty.
- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của Công ty;
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.

*** Ban Kiểm soát nội bộ:**

- Giám sát việc nhập xuất hàng hóa, vật tư của Công ty. Việc giám sát được thực hiện trên nguyên tắc phải đảm bảo đúng khối lượng, số lượng, chất lượng, đúng chủng loại sản phẩm và đúng theo quy trình xuất hàng của Công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quy chế, quy định, nội quy, thông báo... của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

*** Ban Giám đốc Nhà máy:**

- Thực hiện tốt những quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh trong khâu sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối với con người và tài sản Công ty. Giám sát quá trình sản xuất đạt chất lượng sản phẩm;

- Tham gia hỗ trợ các phòng ban có liên quan trong việc xây dựng định mức tiêu hao và tiêu chuẩn chất lượng đối với các loại vật tư, nguyên phụ liệu, điện năng;

- Kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện công tác xuất hàng, đóng dấu hàng, lấy mẫu kiểm theo yêu cầu;

- Thực hiện đào tạo nhân sự mới trước khi vào làm việc chính thức;

- Quản lý máy móc thiết bị, hồ sơ, lý lịch, kỹ thuật của các loại máy móc. Thực hiện công tác đăng kiểm an toàn thiết bị.

3. Danh sách công ty mẹ, các công ty liên doanh, liên kết.

3.1 Danh sách công ty mẹ.

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia - IDI.

- Vốn điều lệ : 1.816.096.710.000 đồng.

- Tổng số cổ phần: 181.609.671 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp

- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm cồng, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Thành lập ngày: 15/07/2003 theo giấy CN ĐKDN CTCP số 0303141296 và thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2016.

- Đại diện pháp luật: Ông **Lê Văn Chung** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**



- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - + Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
 - + Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà, kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Kinh doanh bất động sản.
 - + Sản xuất bao bì nhựa- giấy, nước đóng chai (không sản xuất tại trụ sở)
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn IDI đã góp vào DAT (VND)	Tỷ lệ (%)
381.000.000.000	301.192.600.000	79,24

3.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.

Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á (AFO)



- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày: 02/07/2010 theo giấy CN ĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2017.
- Đại diện pháp luật: Ông **Lê Văn Chính** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng công trình dân dụng.
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
 - + Sản xuất thực ăn, nuôi trồng thủy sản.
 - + Sản xuất, chế biến thực phẩm
 - + Buôn bán thực phẩm, thủy sản và thủy sản đã qua chế biến, dầu mỡ động thực vật.
- Tình hình góp vốn:
- **Trisedco đã thoái hết vốn vào tháng 06/2016.**

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã góp vào AFO (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	0	0



3.3. Danh sách các công ty mà công ty CP Đầu Tư Du Lịch và PT Thủy Sản đang đầu tư

* Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần : 8.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 177C, đường Cách mạng tháng 8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Thành lập ngày: 12/08/2003 theo giấy CN ĐKKD số 3600648648 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10/09/2012 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Đại diện pháp luật: Bà **Lê Thị Nguyệt Thu** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**.

- Ngành nghề kinh doanh chính :

- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.
- + Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- + Buôn bán vật liệu xây dựng.
- + Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

▪ Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã đầu tư vào (VND)	Tỷ lệ (%)
80.000.000.000	4.000.000.000	5,00

* Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính (ASTAR)

- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang.





- Thành lập ngày: 12/10/2000 theo giấy CN ĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang và thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

- Đại diện pháp luật: Ông **Trương Vĩnh Thành** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

- Ngành nghề kinh doanh chính :

+ *Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.*

+ *Kinh doanh bất động sản.*

+ *Kinh doanh, đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân (Không bao gồm các hoạt động cho thuê tài chính, tiền tệ, tín dụng, huy động vốn)*

+ *Buôn bán vật liệu xây dựng.*

+ *Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.*

- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ	Số vốn DAT đã đầu tư vào (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	6.418.973.891	5,35

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty.

- Phấn đấu tăng trưởng vốn chủ sở hữu đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo kinh doanh có lãi, ổn định mức cổ tức hàng năm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Đẩy mạnh mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

*** Về bộ máy nhân sự**

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả CB-CNV, xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và phụ cấp phù hợp ngày càng tăng, đề động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc sáng tạo, gắn bó lâu dài với công ty.

- Có kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ quản lý của nhân viên và nâng cao tay nghề cho công nhân để đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong CB-CNV để mọi người đều có nhận thức tốt về lao động, đoàn kết, đạo đức trong lối sống và phát huy truyền thống vượt khó của Tập Đoàn Sao Mai An Giang, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức Đoàn thể giúp công ty vượt qua những thách thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.



Lễ trao bằng khen cho cán bộ công nhân viên công ty

*** Về đầu tư phát triển kinh doanh**

- Nâng công suất hoạt động của nhà máy chế biến bột cá - mỡ cá.

+ Nhà máy bột- mỡ cá thu mua lượng phụ phẩm cá tra từ các nhà máy chế biến cá tra fillet trong vùng để sản xuất. Sản phẩm chính của nhà máy là bột cá và mỡ cá. Hiện tại, nhà máy mới chỉ hoạt động với công suất khoảng 300 tấn nguyên liệu/ngày (công suất thiết kế là 390 tấn phụ phẩm/ngày). Năm 2017, Công ty Trisedco dự kiến sẽ cải tạo lò hơi và dây chuyền sản xuất để công suất nhà máy đạt mức 400 tấn nguyên liệu/ngày. Như vậy, với công suất này thì sẽ cho ra khoảng 96 tấn mỡ cá và 72 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đảm bảo được khoảng 90% nhu cầu mỡ nguyên liệu cho nhà máy dầu cá.

+ Để đáp ứng cho nhu cầu dự trữ bột cá, Công ty dự kiến sẽ tiến hành đầu tư xây dựng mới kho chứa thành phẩm khoảng 1.000m² vào Quý 04/2017



- Đầu tư hoàn thiện nhà máy tinh luyện dầu cá và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

+ Nhằm gia tăng lợi thế hiện tại là cung cấp nguồn nguyên liệu chính cho Nhà máy tinh luyện dầu cá, sản xuất khép kín cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định nhận chuyển giao công nghệ cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Sau nhiều năm tham gia vào thị trường ngành dầu ăn và đưa Nhà máy dầu cá đi vào hoạt động, Công ty đã góp mặt vào thực đơn của hơn 90 triệu dân Việt Nam món dầu cá cao cấp mang thương hiệu Ranee. Đây không chỉ là hành động đột phá nâng cao chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và xuất khẩu cho Cá tra Việt Nam, mà còn giúp Công ty có thêm dư địa tăng trưởng khi các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực và Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập.

+ Tuy các đối thủ cạnh tranh luôn phát triển nhiều sản phẩm mới, nhưng Công ty vẫn quyết tâm trụ vững ở thị trường tiềm năng này, vì hiện tại chưa có doanh nghiệp nào trong nước sản xuất dầu ăn tinh luyện từ mỡ cá tra. Trước đó, một số hãng chỉ mới chế biến dầu cá thành thực phẩm chức năng hoặc thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ em.

+ Ngoài chất lượng sản phẩm cao, giá thành cạnh tranh, thương hiệu uy tín, hệ thống phân phối tiện lợi, Công ty tự tin vào những yếu tố tạo nên sự khác biệt giúp sản phẩm dầu cá tra có vị thế riêng, như nguồn nguyên liệu không phụ thuộc vào nước ngoài, giá thành hợp lý, sản phẩm dầu cá có mùi vị tự nhiên, hàm lượng chất dinh dưỡng cao, độ chịu nhiệt cao nên khi chiên dầu không bị cháy và màu dầu đẹp.

+ Bên cạnh đó, qua đánh giá của Công ty thì vùng Đồng bằng sông Cửu Long mỗi năm cung cấp ra thị trường sản lượng mỡ cá tra không dưới 140.000 tấn nhưng được dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản, sản xuất dầu biodiesel và xuất khẩu thô với giá bán thấp. Trong khi đó, Việt Nam đang chi hàng tỷ USD mỗi năm để nhập khẩu dầu thực vật và nhu cầu này ngày càng gia tăng. Sản phẩm dầu cá Ranee là mắt xích vô cùng quan trọng kết nối hình thành chuỗi khép kín của quy trình nuôi trồng và chế biến cá tra, ba sa xuất khẩu.

- Các sản phẩm dầu cá được sản xuất:

- + Dầu lỏng (dầu dinh dưỡng trẻ em, dầu trộn, dầu ăn cao cấp);
- + Dầu đặc (shortening).



Dầu trẻ em



Dầu đặc

Với việc tiếp nhận công nghệ này, nguồn mỡ cá tra Công ty sản xuất ra được tinh chế thành các thành phẩm có giá trị phục vụ thiết thực tới người tiêu dùng. Dự án nhà máy tinh luyện mỡ cá tra công ty IDI chuyển giao có công suất thiết kế 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động, cho ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày. Hiện tại, để đáp ứng cho nhu cầu trong nước cũng như đẩy mạnh xuất khẩu. Công ty tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền tinh luyện dầu cá Giai đoạn 2 để nâng công suất từ 100 tấn lên 200 tấn nguyên liệu/ngày, dự kiến hoàn thành trong Quý 03/2017.

Công ty từng bước đầu tư thêm dây chuyền sản xuất, đầu tư thêm máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao công suất hoạt động của nhà máy, chủ động nguồn hàng để đáp ứng kịp thời các đơn hàng bán nội địa cũng như xuất khẩu, đặc biệt là chủ động nguồn cung mỡ cá cho nhà máy dầu.



Hình ảnh Nhà máy dầu cá

VI. CÁC RỦI RO

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chế biến thức ăn thủy sản nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2016, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, trong năm 2017, dưới tác động của sự biến động về tình hình chính trị dẫn đến có những thay đổi về chính sách tài chính tiền tệ ở một số nền kinh tế lớn trên thế giới được dự đoán sẽ tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước, đặc biệt là vấn đề về lãi suất, tỷ giá... Điều này cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhất là tình hình xuất khẩu.

2. Rủi ro về luật pháp

- Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh nên TRISED CO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về luật pháp đối với ngành chế biến thủy sản không cao, do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, hệ thống luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh, thường xuyên có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về hành lang pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

3.1. Rủi ro nguyên liệu đầu vào:

Trước đây, nguồn nguyên liệu của Công ty chủ yếu là từ các đơn vị chế biến thủy sản trong vùng có uy tín, nhờ đó nguồn nguyên liệu khá ổn định và đảm bảo được chất lượng. Tuy nhiên, trong năm 2016 tình hình hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng đến diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản. Hơn nữa, với sự xuất hiện ngày càng nhiều các Công ty chế biến bột cá thủy sản từ phụ phẩm cá tra đã làm cho nguồn phụ phẩm nguyên liệu thiếu hụt, dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào tăng, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, Ban tổng giám đốc Công ty cũng đã tính đến phương án tăng cường kinh doanh thương mại bột cá để duy trì doanh số.

3.2. Rủi ro về thị trường tiêu thụ:

Dù là một doanh nghiệp mới hoạt động chỉ khoảng 09 năm trên thị trường chế biến bột cá, mỡ cá. Tuy nhiên TRISED CO cũng đã đứng vị trí thứ 02 trong các doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu bột cá tra lớn nhất ở Việt Nam (sau công ty Honoroad). Có được điều này là do Công ty sử dụng máy móc thiết bị mới cũng như chất lượng và giá thành sản phẩm hợp lý. Sản phẩm bột cá do Công ty sản xuất được tiêu thụ khá tốt trong khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cũng như xuất khẩu sang các khách hàng lớn là Trung quốc, Nhật Bản... Thị trường dầu cá vẫn là một thị trường rất lớn tại Việt Nam, với công suất Nhà máy dầu cá hiện

tại đáp ứng khoảng 3% trong tổng nhu cầu của thị trường tiêu thụ thì rủi ro về thị trường tiêu thụ của Công ty là rất nhỏ.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Sản phẩm bột cá là nguồn nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Tuy nhiên, nguồn cung bột cá trong nước vẫn còn hạn chế do công nghệ chế biến và cách bảo quản còn lạc hậu, đồng thời chịu sự cạnh tranh của bột cá nhập khẩu. Với chiến lược phát triển ngành chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến năm 2020, xây dựng ngành chăn nuôi an toàn sinh học và bền vững trên cơ sở chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi trong nước, giảm bớt sự phụ thuộc của việc nhập khẩu. Thời gian tới, dự kiến sẽ có sự tham gia nhiều hơn của các doanh nghiệp nội địa trong mảng sản xuất sản phẩm bột cá nhằm cung cấp cho thị trường thức ăn chăn nuôi đang có nhiều tiềm năng phát triển này.

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISEDCO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý... Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000:2005. Với mục tiêu cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao, Công ty luôn luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng. TRISEDCO cũng chủ động triển khai đồng bộ thêm các giải pháp để tăng khả năng cạnh tranh như: đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, tiết giảm chi phí bán hàng, nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường, thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống phân phối nhằm bổ sung, sàng lọc khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

1.1. Chiến lược kinh doanh.


Hoạt động kinh doanh của Công ty là mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; sản xuất, chế biến phụ phẩm từ cá tra, cá basa có chất lượng cao và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xác định mảng sản xuất bột cá, mỡ cá và dầu cá là mảng kinh doanh chính của Công ty, ngoài ra còn có bao tử cá, bong bóng cá, da cá, dè cá... được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Các sản phẩm của Công ty được chấp nhận rộng rãi trên thị trường trong nước và quốc tế, và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm HACCP và ISO 9001-22000.

Trong năm qua, Công ty đạt doanh thu 944.730.309.521 đồng, chiếm tỷ trọng lớn là bột cá, mỡ cá và dầu cá.

Sản lượng sản xuất bột cá, mỡ cá và dầu cá liên tục tăng trưởng qua các năm, góp phần đẩy mạnh doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm chính của TRISEDCO

	
<p align="center">Bột Cá</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)/ bao nhựa Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Độ đậm 58-60%, độ ẩm (%) 10 max, Tro (%) 25 max, độ tươi (%) 50 max, chất béo (%) 12 max</p>	<p align="center">Mỡ Cá Thô</p> <p>Xuất xứ: Việt Nam Loại cá: cá Tra Qui cách đóng gói: 193kg / thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng Tiêu chuẩn: Acid (mgKOH/g) 3% max, Iodine (gl2/100g) 80max</p>
	
<p align="center">Bong Bóng Tươi</p>	<p align="center">Bao Tử Cá</p>
<p align="center">Sản Phẩm Khác</p>	
	
<p align="center">Ức Cá, Vây Cá</p>	<p align="center">Sản phẩm bong bóng</p>

- Sản phẩm dầu ăn của Công ty:

Sau khi việc chuyển giao Nhà máy chế biến dầu cá hoàn tất, Công ty đã đưa ra thị trường dòng sản phẩm dầu cá tinh luyện với thương hiệu RANEE. Đây là sản phẩm quan trọng trong chiến lược kinh doanh của TRIDSEDCO, góp phần vào doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty ở hiện tại và trong tương lai.



Nguồn nguyên liệu chế biến Dầu cá trước giờ chủ yếu là từ các loại cá biển như cá Trích, cá Hồi, cá Thu, cá Tuna. Đây là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu, chất lỏng lấy từ mỡ các loại Cá này ở nước ta quen gọi là dầu gan cá thu hay dầu cá thiên nhiên.

Dầu cá rất giàu các PUFA, nhóm omega-3 như: acid eicosapentaenoic (EPA) và acid docosahexaenoic (DHA), các axit béo không no đa nối đôi n-3 (n-3 PUFA) được xem là có vai trò quan trọng đối với sức khỏe.



Hội thảo thành phần dinh dưỡng của dầu cá

Tuy nhiên, hiện nay sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, sự đánh bắt quy mô thương mại diễn ra khắp toàn cầu, do đó nguồn nguyên liệu chế biến từ dầu cá biển dần bị mất đi, giá thành sản phẩm ngày một cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 180.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Chính vì vậy, việc chế biến dầu cá từ phụ phẩm cá nước ngọt mà chủ yếu là cá basa, cá tra là một giải pháp thay thế vô cùng hợp lý. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất an toàn, vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu (mỡ) cá tra rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay dầu cá tra thô (mỡ cá) đang được sử dụng lãng phí, sai mục đích. Trong khi đó, nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng cao, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Người tiêu dùng đang ngày càng hướng về những sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng công nghệ tinh luyện hiện đại (tẩy sạch màu, loại tạp chất, đáng lưu ý là không còn mùi tanh, giữ được các thành phần bổ dưỡng) để chuyển dầu mỡ cá tra thành dầu thành phẩm hảo hạng, phục vụ người tiêu dùng.



Công dụng của DHA trong dầu cá tự nhiên:

DHA là một Acid béo không no cần thiết cho sự hoàn thiện hệ thần kinh, đặc biệt là thị giác. Ở người lớn, nó có tác dụng giảm triglyceride máu và cholesterol xấu, giúp dự phòng xơ vữa động mạch, nhồi máu cơ tim. DHA có tên gọi đầy đủ là Docosa Hexaenoic Acid, một Acid béo thuộc nhóm Omega-3. Đây là một chất rất quan trọng nhưng cơ thể không tự tổng hợp được mà phải đưa vào từ nguồn thực phẩm.



Hội thảo về thành phần dinh dưỡng của dầu cá

Lợi ích của việc sử dụng dầu cá:

- ✓ Giảm đau và viêm sưng; Cải thiện tinh thần;
- ✓ Bảo vệ tim và tránh đột quỵ;
- ✓ Tốt cho hệ thần kinh, giúp cải thiện trí nhớ và tăng khả năng tập trung;
- ✓ Ngừa nng thư; tốt cho tim mạch;
- ✓ Tốt cho mắt; da khoẻ đẹp.

- *Cảm quan.*

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Vàng nhạt (3R/30Y).
2	Mùi	Dễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét.
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Lông, nhớt

- *Vi sinh vật.*

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	≤ 10
3	E.coli	≤ 03
4	S.aures	Không có
5	Salmonella (25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

- *Đặc tính hóa lý.*

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Điểm mờ ($^{\circ}\text{C}$)	3.3°C
2	FFA (%)	≤ 0.26
3	IV (wijs)	≥ 80
4	PV (meq O_2)	Không phát hiện
5	AnV (ppm)	≤ 3.49
6	Độ ẩm	Không phát hiện

- *Thành phần hóa học.*

STT	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0 (Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	3.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1



STT	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
4	C15:0 (Pentadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	22.4
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.1
8	C17:0 (Margaric)	0.3
9	C17:1 (Nargarileic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	3.4
11	C18:1t (Petroselenic)	0.6
12	C18:1c (Oleic)	45.6
13	C18:2t (Linoleic)	0.5
14	C18:2c (Linoleic)	15.0
15	C18:3t (Linoleic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linoleic)	0.4
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	1.0
19	C22:0 (Beheric)	0.2
20	C22:1 (Cetoleic)	0.6
21	C20:2 (Eicosadienonic)	0.8
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.5
23	C20:5 (EPA)	0.1
24	C22:3 (Docosatrennoic)	0.1
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.2
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.1
27	C22:6 (DHA)	0.3
28	b-Caroten	0.88
SFA (%)		≤ 32
MUFA (%)		≥ 50
PUFA (%)		≥ 18

Bên cạnh đó Công ty còn sản xuất ra mặt hàng dầu cá dành riêng cho trẻ em, giúp trẻ phát triển tốt hơn.



1.2. Doanh thu

- Các sản phẩm phụ chủ yếu được bóc tách riêng để bán trước khi đưa vào sản xuất :

STT	Sản phẩm phụ	Số lượng (kg)	Giá trị (VND)
1	Bong bong	525.603,4	17.415.352.723
2	Bao tử	237.223,7	4.747.577.020
3	Vây cá	268.313,2	3.138.109.794
4	Úc cá	503.655,7	6.245.069.075
5	Đầu cá	272.085,6	2.688.522.445
6	Mỡ cồng	19.736	56.388.571
7	Khác		73.826.925
TỔNG CỘNG		1.806.881,6	34.364.846.553

- Sản phẩm chính (*bột cá - mỡ cá ở dạng thô nguyên chất*) từ phụ phẩm cá tra sau khi đưa vào sản xuất và thu hồi được như:

=> **Bột cá thô :**

- Bột cá sx : 5.914.800 kg.
- Mua ngoài: 13.213.638 kg.
- Nhập kho : 19.128.438 kg.
- Xuất bán : 19.266.060 kg.
- Xuất khẩu: 10.930.320 kg, giá trị là 12.739.048,8 USD ≈ 279.538.152.900 VND.

=> **Mỡ cá thô :**

- Mỡ cá sx : 8.174.980 kg.
- Mua ngoài: 5.673.480 kg.
- Nhập kho : 13.848.460 kg
- Xuất bán : 13.746.975 kg

- Xuất khẩu : không có.

=> Tổng doanh thu xuất khẩu năm 2016 đạt 12.739.048,8 USD \approx 279.538.152.900 VND (tỷ giá b/q 21.943 VND/USD).

- Cơ cấu doanh thu thuần:

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Doanh thu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
	(ĐVT: đồng)		(ĐVT: đồng)	
1. Bột cá	255.545.886.278	38,9	451.660.182.654	47,8
2. Mỡ cá	169.335.269.068	25,8	212.855.064.930	22,5
3. Dầu cá	118.061.230.769	18,0	201.510.215.384	21,3
4. Các sản phẩm phụ	42.465.442.297	6,5	34.364.846.553	3,6
5. Khác	71.844.453.091	10,8	44.340.000.000	4,7
TỔNG CỘNG	657.252.281.503	100,0	944.730.309.521	100,0

Theo bảng cơ cấu doanh thu thuần, ta thấy các chỉ số của của các sản phẩm chủ lực năm 2016 so với năm 2015 đều tăng về giá trị. Cụ thể doanh thu từ bột cá năm 2016 tăng 196,2 tỷ đồng, doanh thu từ mỡ cá tăng 43,6 tỷ đồng và doanh thu từ dầu cá tăng 83,4 tỷ đồng so với năm 2015. Bột cá, mỡ cá và dầu cá là 03 mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất của công ty. Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của của Hội đồng Quản trị và ban điều hành Công ty đã có kế hoạch kinh doanh bài bản, xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, tạo động lực khích lệ tập thể Công ty, khích lệ phòng kinh doanh nỗ lực tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước.

1.3. Chi phí sản xuất.

CƠ CẤU CHI PHÍ

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2015		NĂM 2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	606.331.156.936	94,70	880.739.001.681	94,15
2	Chi phí tài chính	17.763.191.215	2,77	30.048.826.319	3,21
3	Chi phí bán hàng	9.026.654.470	1,41	17.175.733.526	1,84
4	Chi phí QLDN	7.064.316.172	1,10	7.439.831.492	0,80
5	Chi phí khác	57.874.083	0,01	91.622.235	0,01
Tổng chi phí:		640.243.192.876	100,00	935.496.565.017	100,00

- Trong cơ cấu chi phí giá vốn năm 2016, tỉ trọng giá vốn về bột cá tăng so với năm 2015: cụ thể năm 2016 chiếm 47,50% trong khi năm 2015 chiếm 34,90% trên tổng chi phí giá vốn. Đây cũng là điều tất yếu bởi bột cá hiện đang là mặt hàng chủ lực đang được tiêu thụ mạnh của công ty. Bên cạnh đó, dầu cá cũng đang trên đà tăng trưởng nên tỉ trọng chi phí giá vốn cũng tăng 3,50%. Do công ty phải dành phần lớn nguồn lực vào mặt hàng này nên cơ cấu chi phí của các mặt hàng còn lại giảm, chẳng hạn như tỉ trọng trên tổng chi phí giá vốn của mỡ cá và sản phẩm phụ lần lượt giảm còn 23,90% và 3,70% trong năm 2016.

- Bên cạnh tỉ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ so với năm 2015, thì tỉ trọng chi phí tài chính và chi chí bán hàng tăng đôi chút, cụ thể lần lượt tăng 0,43% và 0,44% so với năm 2015. Nguyên nhân là do trong năm qua, Công ty phấn đấu tăng doanh số nên kéo theo 02 loại chi phí này cũng tăng theo.

- Về chi phí khác thì có tỉ trọng ổn định qua 02 năm với tỉ lệ 0,01%.

- Trong thời gian tới, bên cạnh kế hoạch tăng doanh thu từ mảng sản xuất bột cá, mỡ cá và dầu cá Ban tổng giám đốc cũng chỉ đạo kiên quyết trong việc bán hàng là không để xảy ra tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu và quá nhiều. Đồng thời tăng cường kiểm soát, cải tiến kỹ thuật và thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất nhằm hạn chế các chi phí phát sinh.

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN

Giá vốn	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
	(ĐVT: đồng)	%	(ĐVT: đồng)	%
1. Bột cá	211.882.409.138	34,9	418.779.231.463	47,5
2. Mỡ cá	193.695.881.074	32,0	210.523.850.879	23,9
3. Dầu cá	111.931.146.572	18,5	193.862.578.433	22,0
4. Các sản phẩm phụ	42.465.442.297	7,0	32.352.548.456	3,7
5. Khác	46.356.277.855	7,6	25.220.792.451	2,9
TỔNG CỘNG	606.331.156.936	100,0	880.739.001.682	100,0

Tương ứng với cơ cấu doanh thu, cơ cấu chi phí giá vốn năm 2016 phần lớn cũng tập trung chủ yếu vào các mặt hàng bột cá, mỡ cá và dầu cá. Cụ thể, tỉ trọng giá vốn về bột cá tăng so với năm 2015 là 12,6%, của dầu cá tăng 3,5% trong khi tỉ trọng chi phí giá vốn của các mặt hàng còn lại giảm. Mặc dù tỉ trọng của mỡ cá có giảm nhưng vẫn đảm bảo về gia tăng giá trị. Bột cá, mỡ cá và dầu cá hiện là những mặt hàng chủ lực đang được công ty tập trung đầu tư sản xuất, vì 03 mặt hàng này đang có nhu cầu tiêu thụ rất lớn trên thị trường.

1.4. Nguồn cung cấp.

Năm 2016, nguồn nguyên liệu chủ yếu của TRISEDCO là phụ phẩm cá tra để phục vụ cho sản xuất chế biến bột cá - mỡ cá. Cụ thể được lấy từ:

STT	Tên công ty	Số lượng (kg)	Giá trị (VND)
1	Công ty TNHH MTV KĐ & ĐT Toàn Cầu	25.115.327,87	178.437.724.753
2	Công ty CP Xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	4.832.287,16	37.409.507.870
3	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	3.172.573,00	22.842.525.600
4	Công ty TNHH Hữu Thành	2.000.337,00	16.456.892.920
5	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia	13.514,92	97.172.275
	TỔNG CỘNG	35.134.039,95	255.243.823.418

Nguyên vật liệu của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn phụ phẩm từ cá tra và cá ba sa. Nguồn nguyên liệu được lấy 100% từ các Nhà máy và Công ty trong nước.

Việc lựa chọn nhà cung cấp uy tín là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Do đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên liệu trong thị trường nội địa và đặc biệt là các khu vực lân cận Nhà máy TRISED CO với các nhà máy đông lạnh thủy sản khai thác từ nguồn cá tra/basa.

Trong bán kính từ 60 - 80 km tính từ khu vực Nhà máy TRISED CO tại khu vực hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp có khoảng 13 đơn vị có khả năng cung cấp phụ phẩm nguyên liệu cho Trisedco. Tuy nhiên vấn đề chất lượng, hiệu quả kinh tế trong quá trình vận chuyển và phương pháp tính khối lượng phụ phẩm (tính theo đầu cân hoặc tỉ lệ) là những vấn đề ưu tiên hàng đầu mà Công ty quan tâm để đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra và lợi nhuận kinh doanh.



Phụ phẩm cá

Bột cá

*** Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Biến động giá cả nguyên vật liệu phụ phẩm từ cá tra/basa luôn tác động trực tiếp đến doanh thu của Nhà máy. Nhưng không vì thế mà yếu tố này tác động đến lợi nhuận trực tiếp của Công ty vì:

Thứ nhất là, hiện nay bột cá tra/basa chính là xu thế mới khi đang thay thế dần bột cá biển trên thị trường, do chất lượng bột cá tra/basa không chỉ đảm bảo về độ tươi mà còn đảm bảo về tính đồng đều của sản phẩm với hàm lượng dinh dưỡng tương đồng, nguồn cung bột cá tra/basa dễ kiểm nên các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản hiện nay đang dần chuyển sang sử dụng bột cá tra/basa, do đó giá thành của bột cá tra/basa có xu hướng tăng do nhu cầu sử dụng của thị trường tăng.

Thứ hai là, đối với thị trường bột cá biển luôn chịu tác động trực tiếp từ nguồn cung nguyên liệu theo các mùa vụ đánh bắt. Nhưng đối với con cá tra/basa có một nguồn cung dồi dào và quanh năm. Do đó, tính ổn định cao của giá nguyên liệu và sản lượng cá tra/basa tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã đáp ứng được sự đòi hỏi của các nhà sản xuất bột cá tra/basa trong lộ trình xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh.

Thứ ba là, Tập đoàn Sao Mai (mà Trisedco là Công ty thành viên) sẽ hoàn thành dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản trong cuối quý 02 năm 2017 (với công suất thiết kế lên đến 1.200 tấn/ ngày) ngay cạnh Công ty Trisedco. Đây là sự thuận lợi cho Trisedco gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Thứ tư là, đối với sản phẩm dầu cá, nguyên vật liệu chủ yếu được cung cấp bởi dây chuyền sản xuất bột cá/mỡ cá từ chính Công ty, đây chính là một dây chuyền sản xuất khép

kín. Với nhà máy sản xuất bột cá/mỡ cá hiện có thì dự báo giá cả nguyên vật liệu sẽ không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu của Công ty.

Bên cạnh đó qua hơn 6 năm hoạt động, Công ty TRISED CO đã có được các nhà cung cấp thân tín, và tạo dựng được thương hiệu nhờ các yếu tố làm nền tảng chất lượng, giá thành, và luôn đảm bảo uy tín khi hợp tác. Nhờ đó đã tạo sự tin tưởng ở cả hai phía người bán và người mua. Đối với các khách hàng lâu năm và thân tín, Công ty TRISED CO chủ động chia sẻ khó khăn đối với các đối tác và ngược lại, do đó đã hình thành nên tính gắn kết vững chắc giữa các bên. Chính vì điều này, TRISED CO đã tự tạo cho mình sự tin cậy cao từ phía các doanh nghiệp khác trên thị trường và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài về sau của Công ty TRISED CO.

1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.

Với mục tiêu là cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao và hiệu quả, Công ty luôn luôn duy trì chế độ kiểm soát chất lượng trong một chu trình khép kín từ khâu nghiên cứu sản phẩm cho đến khi sản phẩm đến tay người sử dụng.

Công ty có riêng một bộ phận kiểm tra chất lượng với trách nhiệm đảm trách việc theo dõi hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng. Giám sát quy trình công nghệ, cập nhật và lưu trữ tài liệu sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, ISO trong tất cả các công đoạn sản xuất (từ lúc tiếp nhận nguyên liệu đến khi thành phẩm, sau đó vận chuyển cho khách hàng) đều có nhân viên kỹ thuật phụ trách về đảm bảo chất lượng giám sát, thực hiện các phương pháp sửa chữa khi có sự sai lệch về công đoạn hay quy trình và thẩm tra tất cả các hồ sơ quản lý chất lượng, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng cho Ban Tổng Giám đốc theo định kỳ.

Các hệ thống quản lý chất lượng Công ty đang áp dụng:

Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của Việt Nam quy định và các chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như:

- Chứng nhận ISO 22000:2005.
- Thương hiệu dịch vụ uy tín vì người Việt.
- Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2013.
- Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Danh hiệu Chất Lượng Vàng thủy sản Việt Nam.
- Chứng nhận lưu hành tự do Bột cá - Mỡ cá
- Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y Bột cá - Mỡ cá.
- Giấy Xuất Khẩu bột cá, mỡ cá đi thị trường Trung Quốc.
- Chứng nhận tiêu chuẩn HACCP.
- Top 100 doanh nghiệp tiên phong.

Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa của Trisedco sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

1.6. Trình độ công nghệ.

a. Nhà máy sản xuất bột cá, mỡ cá.

Nhà máy sản xuất bột cá của TRISED CO sử dụng công nghệ tiên tiến, phần lớn các thiết bị chính được nhập khẩu từ Thái Lan, Nhật, Ý. Nhà máy đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO

22000:2005. Hiện tại, Nhà máy đang chạy 03 dây chuyền gồm 01 dây chuyền nhập khẩu của Thái Lan, 01 dây chuyền nhập khẩu của Trung Quốc và 1 dây chuyền do Công ty Quang Huy BK lắp ráp với công suất thiết kế là 390 tấn nguyên liệu/ngày. Công ty TRISED CO sẽ tiếp tục đầu tư cải tạo 02 lò hơi dự kiến hoàn thành đầu quý 3 để tăng công suất của nhà máy lên gần 400 tấn nguyên liệu/ngày.

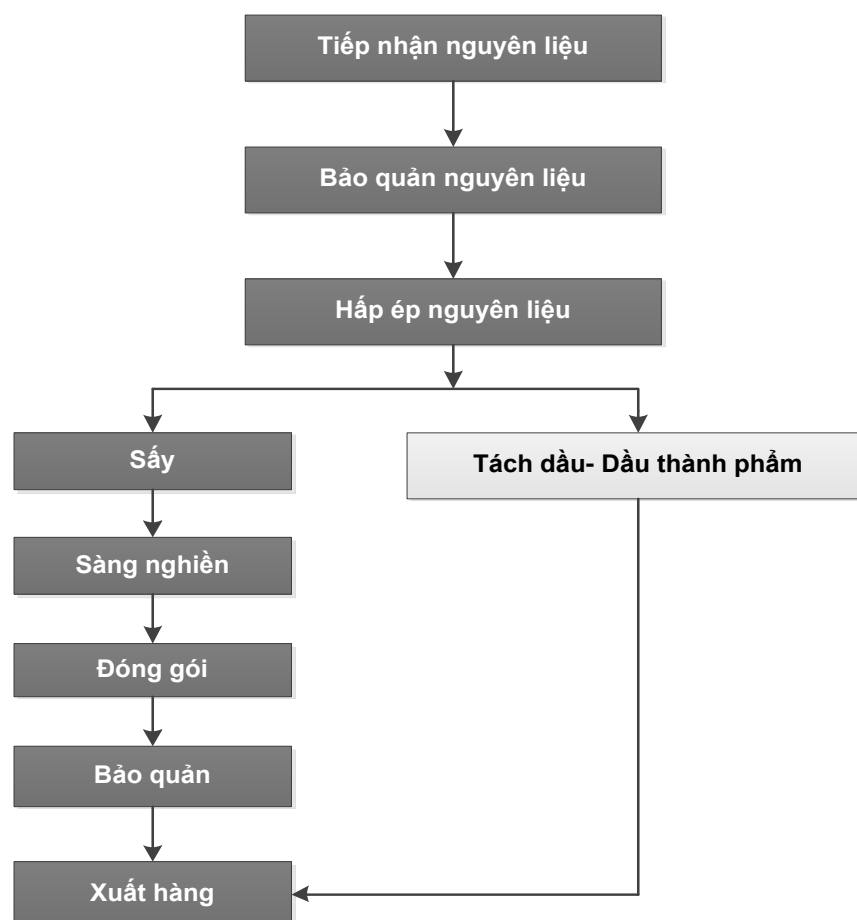
Một số máy móc thiết bị chính của Công ty

TT	Thiết bị	SL	Công suất / Mô tả	Xuất xứ
1	Dây chuyền ASTW OFP20	1	120 tấn/ngày	Thái Lan
2	Dây chuyền Trung Quốc	1	150 tấn/ngày	Trung Quốc
3	Dây chuyền Quang Huy BK	1	120 tấn/ngày	Việt Nam
4	Hệ thống khí nén nito	1	100Kwh	Nhật, Ý
5	Máy phát điện 100 KVA và 500 KVA	1	500/550kVA	Đức
6	Máy li tâm ba pha	2	12m ³ /h/máy	Singapore
7	Lò hơi đốt củi trấu (trấu ép)	2	Q=8.000kg/h/1 lò, P=10k/cm ²	Việt Nam
8	Hệ thống lò hơi trấu rời	2	4.000kg/giờ	Việt Nam
9	Bồn dầu	10	100 tấn mỡ/bồn	Việt Nam



Hình ảnh một số máy móc thiết bị chính của Nhà máy bột cá/mỡ cá

Quy trình công nghệ sản xuất bột cá/mỡ cá



Nguồn: TRISED CO

Mô tả quy trình:

- Tiếp nhận nguyên liệu:

Nguyên liệu được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn và kiểm tra các hồ sơ liên quan như giấy cam kết của nhà cung ứng không sử dụng kháng sinh cấm sau đó được vận chuyển về khu tiếp nhận.

Tại khu tiếp nhận, nguyên liệu được xác định tính chất, chất lượng và cân nguyên liệu để làm cơ sở cho việc tính toán tỷ lệ chế biến và làm số liệu thanh toán mua bán sau này.

- Bảo quản nguyên liệu:

Trường hợp nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất ngay phải được bảo quản lạnh. Quá trình bảo quản mục đích để nguyên liệu không bị hư hỏng, không ảnh hưởng tới chất lượng thành phẩm và độ an toàn của sản phẩm.

- Hấp - ép nguyên liệu:

Nguyên liệu sau khi phối trộn đều nhờ vít tải đưa lên máy chặt. Tại đây nguyên liệu được chặt làm các phần nhỏ và đưa lên bồn chứa trước khi vào máy hấp.

Nguyên liệu được hấp trong hệ thống máy hấp duy trì áp suất từ 4.5÷6kg/cm² trong thời gian từ 20-25 phút. Sau hấp nguyên liệu chín; mỡ cá được tách ra khỏi phần rắn để thuận lợi cho quá trình sản xuất sau. Tại đây các vi sinh vật, nấm mốc bị tiêu diệt.

Sau hấp, phần bã và phần nước dịch được tách ra, phần bã được đưa vào máy ép để tiếp tục lấy hết phần lỏng còn tồn trong bã để phục vụ công đoạn tiếp theo.

- Sấy:

Bán thành phẩm sau ép tách dầu được vít tải đưa vào máy sấy, tại đây dưới tác dụng của nhiệt 150⁰C÷160⁰ C các vi sinh vật, nấm mốc được tiêu diệt. Khi đạt độ ẩm 10 - 12% theo yêu cầu, bột ra khỏi máy sấy để tới các công đoạn tiếp theo.

- Sàng – Nghiền:

Dịch thu được sau khi hấp và ép được bơm vào bồn gia nhiệt, tại đây nước ép được gia nhiệt với nhiệt độ > 95⁰C bằng hệ thống gia nhiệt trực tiếp và gián tiếp.

Nước dịch được bơm vào máy tách dầu 3 pha (Decanter), mỡ cá thu được sau quá trình này được gia nhiệt nhằm loại nước và tách một số thành phần rắn lơ lửng trước khi bơm vào bồn trung gian.

Mỡ tại bồn trung gian được kiểm tra AV, phân loại trước khi bơm vào bồn chứa thành phẩm.

- Đóng gói:

Sản phẩm sau khi trộn xong QC kiểm tra qui cách chất lượng như độ đồng đều, màu sắc, độ ẩm, tạp chất trước khi đóng gói.

- Bảo quản:

Thành phẩm bột đóng gói xong được đưa vào kho sắp xếp theo hướng dẫn.

Thành phẩm mỡ cá sau khi kiểm tra chất lượng được phân vào các bồn chứa. Định kỳ hoặc trước các lần xuất hàng phải tiến hành lấy mẫu kiểm tra theo quy định

- Xuất hàng:

Toàn bộ quá trình tuân thủ theo Quy trình “Xuất – Nhập - Lưu kho Hàng hóa Vật tư”.



b. Nhà máy chế biến dầu cá

Nhà máy chế biến dầu cá tinh luyện của TRISEDCO sử dụng công nghệ của Tập đoàn Desmet – Bỉ. Đây là một trong những công nghệ hiện đại nhất đến thời điểm hiện nay, đáp ứng tối ưu yêu cầu chế biến mỡ cá tra/ba sa thành nhiều loại mặt hàng thực phẩm dinh dưỡng: Dầu ăn; Dầu trộn rau cải; Dầu shortening (dùng trong công nghiệp chế biến mì ăn liền); Bơ

Magarine; Bột nhào Puff Pastry (dùng trong công nghiệp thực phẩm cao cấp như làm bánh lớp Crossaint, bánh Pate Chaud...), Dầu cá viên Omega 3 (thuộc lĩnh vực dược phẩm).

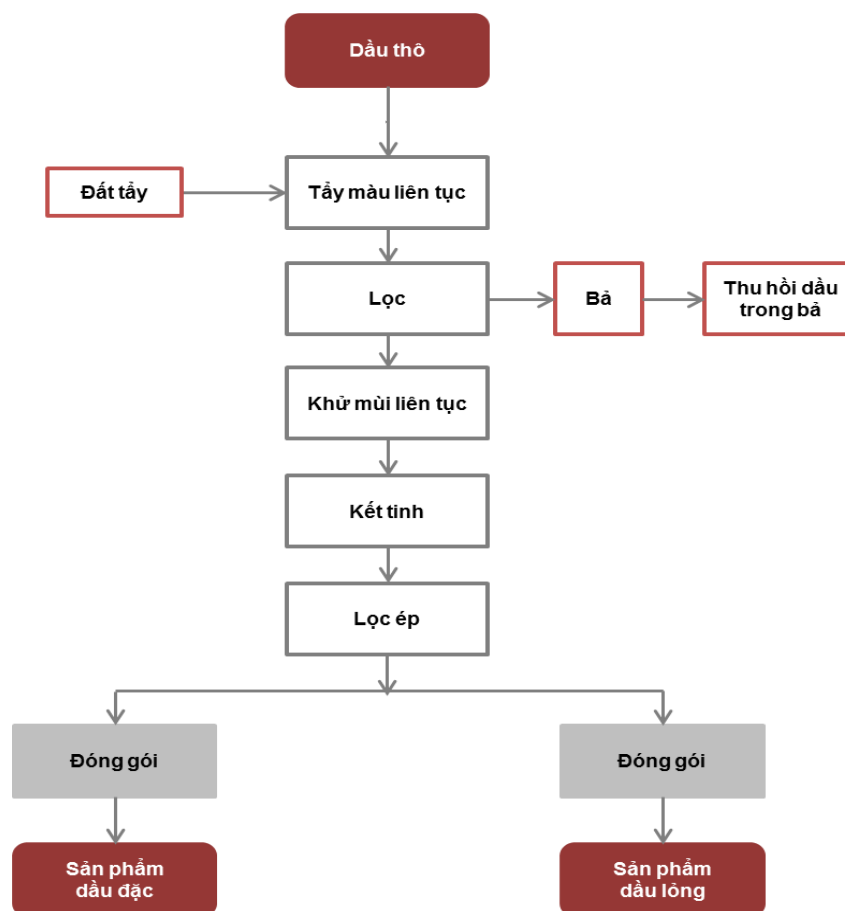
Nhà máy với công suất ban đầu là 100 tấn nguyên liệu/ngày. Đây là nhà máy tinh luyện dầu cá đầu tiên của khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long nói riêng, cả nước và của cả khu vực Đông Nam Á nói chung. Với chiến lược ban đầu là đưa lượng mỡ cá tra, vốn được xem là dư thừa, vào phục vụ bếp ăn của mọi nhà, giúp cải thiện một phần sức khỏe người tiêu dùng.

Qua nghiên cứu và khảo sát các thiết bị và công nghệ cho quá trình tinh luyện dầu hiện nay trên thị trường, phương pháp tinh luyện dầu ăn trong công nghiệp có nhiều phương pháp gồm (i) phương pháp vật lý, (ii) hóa học và (iii) hóa lý. Việc lựa chọn phải dựa trên đặc tính của dầu nguyên liệu, hiệu suất thu hồi, giá thành công nghệ và chất lượng sản phẩm phải đảm bảo. Đối với dầu cá tinh luyện từ mỡ cá tra – ba sa thì sử dụng phương pháp vật lý là hiệu quả và vượt trội hơn so với các phương pháp khác. Các ưu điểm đó bao gồm:

- Thực hiện phương pháp tiền xử lý khô kết hợp với tẩy màu, mùi liên tục - tách phân đoạn khô tiết kiệm và hiệu suất thu hồi cao so với các phương pháp khác. Hiệu suất thu hồi dầu sau khi tinh luyện cao trên 97% so với nguyên liệu dầu thô. Duy trì hàm lượng Axít Béo (EPA/DHA) trong dầu ít bị thay đổi nhất, một phần Olein (dầu lỏng) ổn định lạnh rất tốt và năng suất Olein cao;
- Dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hóa, tiết kiệm lao động và diện tích mặt bằng nhà xưởng, sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Định lượng đất tẩy nhanh và chính xác, đạt kết quả tẩy màu nhanh và màu dầu như ý muốn;
- Dầu lọc xong không hình thành các chất phân hủy;
- Hệ thống khử mùi hoàn hảo;
- Hệ thống tách phân đoạn cho ra chất lượng thành phẩm ổn định.



Quy trình công nghệ tinh luyện dầu cá theo phương pháp



Nguồn: TRISEDCO

1.7. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Hiện tại, Nhà máy bột cá Trisdeco có hai sản phẩm chính là bột cá và mỡ cá. Sản phẩm bột cá là thành phần quan trọng không thể thiếu trong chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản phẩm mỡ cá (hay còn gọi là dầu cá thô) chứa nhiều các axit béo no SFA, các axit béo không no MUFA, PUFA, Omega 3, EPA, DHA và các vitamin được dùng để sản xuất thức ăn gia súc, dầu bio-diesel, và dầu ăn giàu dinh dưỡng cho người là nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá tinh luyện sử dụng trong ngành thực phẩm.

- Trong năm 2015, Công ty có tiếp nhận nhà máy tinh luyện dầu cá từ công ty IDI, công nghệ Châu Âu, với công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày, cho ra 2 sản phẩm là dầu nền và dầu đặc, cụ thể:

+ **Dầu nền (olein)**: là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu nền thu được sau khi tinh luyện có thành phần dinh dưỡng tốt hơn dầu cọ và có đặc tính tương đương dầu nành và dầu hướng dương. Dầu nền loại bỏ hoàn toàn mùi đặc trưng của cá và loại bỏ cholesterol, giữ lại hàm lượng omega 3 nguyên bản trong dầu cá. Dầu này ngoài công dụng chiên xào nấu nướng còn là nguồn bổ sung các chất Omega 3,6,9 và vitamin A giúp sáng mắt và cung cấp các vi chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.

+ **Dầu đặc (stearin)**: là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Dầu đặc thu được sau khi tinh luyện có màu trắng, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 44⁰C, sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như mì ăn liền, bánh snack,

khoai tây chiên đóng gói. Dầu đặc (stearin) là nguyên liệu chủ yếu để chế biến shortening và margarine.

1.8. Hoạt động Marketing

- **Tiếp thị:** PR bài viết về TRISED.CO; làm chiến dịch gửi thư ngỏ; Catalogue cho các khách hàng; tham dự các chuyên đề, hội thảo chăn nuôi gia cầm, thủy sản; tham gia hội chợ triển lãm; quay phóng sự tài liệu, con đường của TRISED.CO (giải pháp cho người bạn chăn nuôi).

- + Nhân viên đi thị trường, khai thác khách hàng;
- + Quảng cáo về sản phẩm TRISED.CO 01 tháng/ 01 lần (báo);
- + Thông tin truyền thông/ TV/ Chạy chữ/ ĐTHAG/ ĐTHĐT, Website;

Mở rộng thị trường kinh doanh: gồm TP.HCM – các Thành phố khác, các tỉnh (phía Nam, phía Bắc, Trung Bộ).

- Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhân hiệu thương mại : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
- Tên tiếng Anh : TRAVEL INVESTMENT AND SEAFOOD DEVELOPMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : TRI.SED.CO
- Ngày thành lập : 15/03/2008
- Giấy chứng nhận ĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000095 do Sở KH&ĐT tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 15/03/2008 và số 1600895650 đăng ký thay đổi lần thứ 16 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/07/2015

- Logo Công ty : 
- Ý nghĩa Thương hiệu : Toàn bộ Logo lấy tông màu đỏ làm chủ đạo. Màu đỏ tượng trưng cho sự năng động và phát triển, Đồng phương quan niệm màu đỏ là màu may mắn...

Hình tượng con cò vỗ cánh tượng trưng cho ngành Du lịch (là một trong những chuyên ngành của Công ty)

Hình con cá tung tăng trong nước tượng trưng cho ngành thủy sản (cũng là chức năng đầu tư và phát triển chính của Công ty).

- Thời gian bảo hộ : Đến năm 2021 và được tiếp tục gia hạn

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 176568 được Cục sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 49601/QĐ-SHTT ngày 30/11/2011

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tăng giảm so với năm 2015		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	657,25	1.200	944,73	287,48	43,74	-255,27	-21,27
Lợi nhuận sau thuế	21,36	70	24,42	3,06	14,33	-45,58	-65,11

- Doanh thu thuần năm 2016 giảm 255,27 tỷ đồng tương ứng giảm 21,27% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do lượng xuất khẩu cá tra/basa phi lê không tăng nhiều, dẫn đến nguồn cung phụ phẩm nguyên liệu cho Trisedco cũng có những giới hạn nhất định. Do đó, trong năm qua Công ty vẫn chưa thể hoạt động hết công suất của nhà máy do thiếu phụ phẩm nguyên liệu sản xuất. Bên cạnh đó, việc kinh doanh thương mại bột cá cũng gặp nhiều khó khăn do chất lượng bột cá của những nơi sản xuất khác thường không đảm bảo về chất lượng, độ đậm thấp hơn so với yêu cầu.

So với năm 2015 thì doanh thu thuần 2016 tăng 287,48 tỷ đồng tương ứng tăng 43,74%. Như vậy, sau 09 năm hoạt động, tên tuổi Công ty đã tạo dựng được niềm tin đối với các đối tác trong và ngoài nước, bên cạnh khách hàng truyền thống, Công ty cũng chú trọng thiết lập mối quan hệ với các đối tác mới, nhờ đó các đơn hàng xuất khẩu của Công ty có sự tăng trưởng khá tốt trong năm qua. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bột cá có đà tăng trưởng rất tốt so với năm trước, đây là hoạt động chính đóng góp chủ yếu lợi nhuận cho công ty.

- Riêng thị trường trong nước thì bột cá bán mạnh cho các khách hàng: ANT(HN), Proconco, Dinh dưỡng thủy sản Quốc Tế, Dinh dưỡng Á Châu, Việt – Pháp, Sao Xanh. . . Mỡ cá thì bán nhiều cho các khách hàng: Vĩnh Hoàn 1, Nhất Thành, Việt-Pháp, Hương Nam, An Hưng Phước, Việt Thành, An Phú Gia, IDI, An Quốc, Afifex, Tuấn Thành, GEKO, . . .

- Ngoài ra, còn doanh thu từ các mặt hàng có giá trị gia tăng như đầu cá (*Lý Quốc Lâm*), bao tử cá (*CS Trật*), nước dịch cá (*Tâm Thành Long*), vây cá (*Lê Thị Thanh Loan*), ức cá (*Gia Hân, Lý Quốc Lâm, CS Nguyễn Quốc Việt*), bong bóng (*CS Huệ*) cũng chiếm một phần đáng kể trong doanh thu này.


- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 giảm 45,58 tỷ đồng tương ứng với giảm 65,11% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng từ doanh thu bột cá và mỡ cá. Mặt khác là do kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra cho năm 2016 tương đối cao trong khi tình hình kinh tế trong năm vẫn còn khó khăn, giá cá phụ phẩm nguyên liệu đầu vào biến động theo chiều hướng tăng, trong khi giá bột cá, mỡ cá, các chi phí bán hàng thì biến động theo chiều hướng ngược lại.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng 3,06 tỷ đồng so với năm 2015, tương ứng với tăng 14,33%. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc cũng như tập thể CBCNV của công ty trong năm 2016. Tuy nhiên, so với kế hoạch thì chúng ta mới chỉ đạt được gần 35%, kết quả vẫn còn khiêm tốn.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.


1. Danh sách Ban điều hành.


- Lê Xuân Quế: Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017).
- Lê Văn Chính: Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2017).
- Nguyễn Văn Hưng: Phó Tổng Giám Đốc.
- Nguyễn Tiến Ngữ: Phó Tổng Giám Đốc
- Lê Hoàng Cương: Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2017)
- Nguyễn Gia Thuần: Kế toán trưởng.


	<p>Ông Lê Xuân Quế – Phó chủ tịch HĐQT sinh năm 1968 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1992, công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng; - Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Đầu tư và Xây dựng Phương Nam - Năm 2003, Ông về làm việc tại Công ty CP Tập đoàn Sao Mai. - Từ 2011 đến hết 2014 là tổng giám đốc CTCP đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản. - Từ 2015 đến hết 2016 là tổng giám đốc Công ty CP Dầu cá châu Á - Từ 01/01/2017 đến nay là tổng giám đốc Công ty CP đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.
<p>Tổng Giám Đốc (từ ngày 01/01/2017)</p>	<p>Hiện tại Ông làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (bổ nhiệm ngày 01/01/2017), Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai; thành viên HĐQT Công ty CP du lịch An Giang. Ông đang nắm giữ 33.500 cổ phần của công ty TRISED CO, chiếm 0,0879% vốn điều lệ.</p>


	<p>Ông Lê Văn Chính sinh năm 1982 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2009 đến năm 2011, Ông làm việc tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Sao mai; - Từ năm 2011 đến năm 2013, Ông công tác tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI; - Từ năm 2013 đến năm 2014, Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á; - Từ 2015 đến 2016, Ông là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản; - 01/01/2017 Ông được miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc công ty CP dầu cá Châu Á.
<p>Tổng Giám Đốc (đến ngày 01/01/2017)</p>	<p>Hiện tại, Ông là Tổng Giám Đốc công ty cổ phần dầu cá Châu Á; thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản và đang nắm giữ 500 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>



	<p>Ông Nguyễn Văn Hưng. Sinh năm 1954 tại Hồng Ngự, Đồng Tháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1975, Ông công tác tại Phòng chính trị tỉnh đội An Giang. - Từ năm 1989, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, tiếp tục được bổ nhiệm làm thanh tra Sở thương mại du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995 - Từ năm 1997, Ông tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. - Năm 2003, Ông tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	
<p>Hiện tại, Ông làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Tập đoàn Sao Mai, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển thủy Sản. Ông đang nắm 50.500 cổ phần công ty Trisedco, chiếm 0,1325% vốn điều lệ.</p>	

	<p>Ông Nguyễn Tiến Ngự sinh năm 1960 tại Xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau năm 1983 ông là Cử nhân An ninh, Cử nhân Luật, Cử nhân Chính trị. - Từ năm 1983 – 1986: Ông là Cán bộ Cục An ninh kinh tế - Bộ Công An - Từ năm 1987 – 2010: Ông là Cán bộ, Phó Phòng, Trưởng phòng An Ninh kinh tế Văn hóa tư tưởng; Trưởng phòng quản lý Xuất nhập cảnh – Công An tỉnh An Giang. - Từ năm 2010 – 2012: Ông là trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai, kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CPĐT Tài chính & Truyền thông quốc tế.
<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	
<p>Hiện nay, ông đang làm Phó Tổng Giám Đốc thường trực Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản, Ông đang nắm giữ 500 cổ phần của công ty TRISEDCO, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

	<p>Ông Lê Hoàng Cương sinh năm 1985 tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang</p> <p>Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kế toán năm 2007, năm 2008 Ông làm kế toán tại Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2009 đến 2013 : Kế toán tại Công ty CP ĐT & XD Sao Mai - Từ 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia - Từ 2013: Công tác tại Phòng tài chính Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản.
<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	
<p>Ngày 05/01/2017, Ông được bổ nhiệm làm Phó TGD tại Công Ty CP Đầu tư du lịch và phát triển Thủy Sản và nắm giữ 500 CP của công ty TRISEDCO, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

	<p>Ông Nguyễn Gia Thuận sinh năm 1978 tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ.</p> <p>Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế.</p> <p>Từ năm 2002 ông là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang</p> <p>Năm 2008, ông được bổ nhiệm làm kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</p>
<p>Kế toán trưởng</p>	
<p>Năm 2009 đến nay ông là kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch Và Phát Triển Thủy Sản, hiện nay ông đang nắm giữ 400 cổ phần của công ty TRISEDCO.</p>	

2. Những thay đổi trong Ban điều hành.

- Trong năm 2016, Ban điều hành không có sự thay đổi so với năm 2015.
- Sang đầu năm 2017, Ban điều hành có sự thay đổi các chức danh Tổng Giám đốc và bổ nhiệm thêm một Phó Tổng Giám đốc (đã nêu ở trên).

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

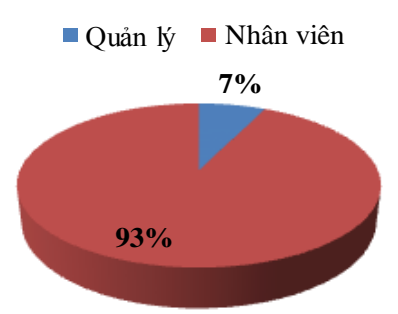
3.1 Số lượng và cơ cấu lao động:

Tổng số lao động của Công ty Cổ Phần Đầu tư Du lịch Và Phát triển Thủy sản tính bình quân năm 2016 là 211 người, trong đó, cơ cấu lao động của Công ty như sau:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH

STT	Chức danh	Số lượng lao động	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý	15	7
2	Nhân viên	196	93
	Tổng	211	100

Cơ cấu lao động theo chức vụ



■ Quản lý ■ Nhân viên

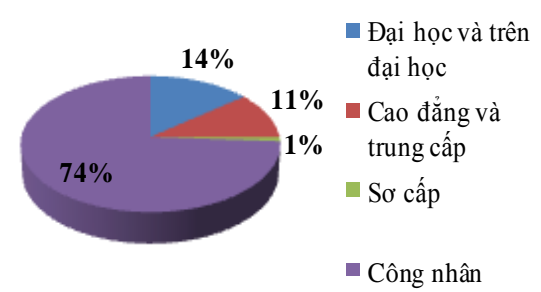
7%

93%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN

TT	Chức danh	Số lượng lao động	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	29	14
2	Cao đẳng và trung cấp	24	11
3	Sơ cấp	1	1
4	Công nhân	157	74
Tổng		211	100

Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn

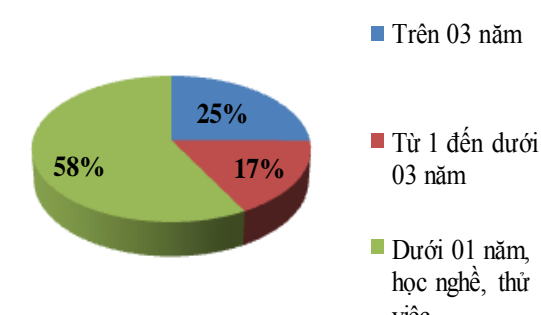


- Đại học và trên đại học
- Cao đẳng và trung cấp
- Sơ cấp
- Công nhân

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC

TT	Thâm niên công tác	Số lao động	Tỷ lệ (%)
1	Trên 03 năm	53	25
2	Từ 1 đến dưới 3 năm	36	17
3	Dưới 1 năm, học nghề, thử việc	122	58
Tổng		211	100

Cơ cấu lao động theo thâm niên công tác



- Trên 03 năm
- Từ 1 đến dưới 03 năm
- Dưới 01 năm, học nghề, thử việc

3.2 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi có kỳ hạn và thành tích xuất sắc.

Điều kiện làm việc: Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản cung cấp đầy đủ các thiết bị làm việc cho CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Trisedco trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

3.3. Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty tập trung việc giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CB-CNV. Công ty đề cao đạo đức, tính trung thực và nếp sống lành mạnh nhằm hướng CBCNV gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty cũng đề cao tính sáng tạo để CB-CNV phát huy mọi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đồng thời cải thiện và nâng cao thu nhập cho CB-CNV.

Công ty tăng cường việc quản lý theo hướng hiện đại, phân công phân cấp công việc cụ thể, chịu trách nhiệm theo từng nhóm công việc, nhiệm vụ được giao. Sàng lọc các công nhân lành nghề và chuyên nghiệp, làm việc có hiệu suất cao. Loại bỏ dần các phòng ban trung gian. Kịp thời thay đổi theo chủ trương chính sách của nhà nước, thị trường kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sao cho bền vững và đạt hiệu quả cao.

Thực hiện tốt chế độ quyền lợi của CB-CNV, tất cả công nhân viên của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, thưởng, linh hoạt, phản ánh đúng chất lượng người lao động, cấp trang phục, phương tiện làm việc, hỗ trợ suất ăn trưa, phụ cấp thêm giờ. Ngoài ra, Công ty có nhà ở phục vụ cho những CBCNV đi làm xa nhà...



Sân chơi Công nhân

3.4. Chính sách tuyển dụng và đào tạo.

Công ty rất chú trọng đến việc tuyển người lao động có năng lực, đáng ứng như cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, tay nghề trẻ. Tùy vào vị trí mà Công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, nhưng tất cả đều phải đáp ứng được nhu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật cao.

Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, ISO, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ, phòng cháy nổ, an toàn thực phẩm, an toàn lao động cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.



Đào tạo nhân viên mới nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo theo phương thức từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

CBCNV của công ty có thời gian công tác từ 02 năm trở lên và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong quá trình làm việc nếu có nguyện vọng xin đi học các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hoặc muốn liên thông đại học, trên đại học ở trong và ngoài nước đều được Ban TGD xem xét và đề xuất HĐQT quyết định. Các khoản lương và chi phí học đều được hưởng theo quy định của Công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

- Kế hoạch đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

- Kế hoạch đầu tư xây mới kho chứa thành phẩm và dây chuyền đóng chai tự động sẽ tiếp tục được thực hiện vào quý 3 và 4 năm 2017.

- Đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng nhà máy tinh luyện dầu cá từ Công ty IDI với công suất 100 tấn nguyên liệu/ngày.

- Đã mở L/C nhập khẩu thêm 01 dây chuyền tinh luyện dầu cá, dự kiến đến tháng 07/2017 sẽ đưa vào vận hành chạy thử.

- Công ty đã lập kế hoạch đầu tư mua 02 lò hơi mới thay thế cho 02 lò hơi cũ sử dụng nhiên liệu là củi và trấu nhằm nâng cao năng suất và tính năng bảo vệ môi trường.

STT	Tên thiết bị	Nhà cung cấp	Công suất	Áp suất làm nguội
1	Lò hơi	Bách khoa Châu Á	15 tấn hơi/h	10 ly/cm ²
2	Lò hơi	Bách khoa Châu Á	15 tấn hơi/h	10 ly/cm ²

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính.

DVT: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.095.609.379.618	796.064.283.609	299.545.096.009	37,6
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	944.730.309.521	657.252.281.503	287.478.028.018	43,7
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.279.449.763	24.916.542.131	1.362.907.632	5,5



Stt	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
4	Lợi nhuận khác	(27.436.619)	(57.874.083)	30.437.464	-52,6
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.252.013.144	24.858.668.048	1.393.345.096	5,6
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.416.731.901	21.360.816.186	3.055.915.715	14,3
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	641	561	80	14,3

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2016)

- Tổng tài sản của công ty năm 2016 so với năm 2015 tăng 299,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 37,6% đã cho thấy công ty có sự tăng trưởng nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Sự gia tăng của tổng tài sản chủ yếu tập trung ở sự gia tăng của vốn lưu động, đây là nguồn vốn ngắn hạn chủ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty.

- Doanh thu thuần: năm 2016 đạt 944,7 tỷ đồng, tăng 287,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 43,7% so với năm 2015, nguyên nhân là do nhu cầu về bột cá, mỡ cá và dầu cá trên thị trường ngày càng tăng, bên cạnh đó Công ty cũng tích cực khai thác và mở rộng thị trường tiêu thụ. Với tốc độ tăng trưởng doanh thu khá tốt, cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng và mở rộng thị trường hợp lý. Có được kết quả này là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc đầu tư mở rộng sản xuất cũng như đã đề ra nhiều chính sách bán hàng linh hoạt. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành, nhưng với tốc độ tăng 43,7% về doanh thu sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng tốc độ tăng trưởng doanh thu sẽ còn nhanh hơn nữa khi nhu cầu thị trường về các mặt hàng do Công ty sản xuất ngày càng tăng.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: tuy tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của doanh thu đôi chút. Tuy nhiên, Công ty cũng đảm bảo được mức tăng trưởng của lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 5,5%.

- Những hoạt động khác của công ty năm 2016 cũng đã có sự chuyển biến tốt so với năm 2015 khi mức âm đã giảm gần phân nửa, điều này cũng đã góp phần tích cực trong việc gia tăng lợi nhuận trước thuế của công ty là 5,6%.

- Lợi nhuận sau thuế: năm 2016 đạt 24,4 tỷ đồng, tăng 3,1 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 14,3% so với năm 2015. Do công ty đẩy mạnh phát triển thị trường xuất khẩu bột cá, mỡ cá và dầu cá trong năm 2016. Do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng tăng giữa 02 năm với mức tăng là 80 đồng/cổ phiếu tương ứng tỷ lệ tăng 14,3%.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,28	1,47



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,96	1,38
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	46,4	58,9
2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	86,5	143,4
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	17,1	18,3
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,2	1,0
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,25	2,59
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	7,09	5,57
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	3,74	2,58
4	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	3,79	2,79

* Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Qua bảng số liệu trên có thể thấy hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty trong năm qua giảm so với năm trước đó. Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nhanh hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Năm 2016, hệ số thanh toán nhanh đã được Công ty điều chỉnh về mức xấp xỉ bằng 1 nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Qua đó cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty không những đã được cải thiện tích cực mà còn có đủ khả năng sử dụng tài sản thanh khoản nhanh để chi trả các khoản nợ ngắn hạn mà không cần thanh lý hàng tồn kho.

* Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng 12,5%, từ 46,4% năm 2015 tăng lên 58,9% trong năm 2016.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng 56,9%, từ 86,5% năm 2015 tăng lên 143,4% trong năm 2016.

- Về cơ cấu tài sản Công ty thay đổi theo hướng tăng tỉ trọng tài sản ngắn hạn. Tỉ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản năm 2016 là 62,1% tăng 13,7% so với năm 2015. Trong đó, chủ yếu tăng tỉ trọng tiền và các khoản tương đương tiền nhằm phục vụ cho nhu cầu chi trả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo tính thanh khoản và uy tín cho Công ty góp phần cho nhu cầu sản xuất đang trên đà tăng trưởng tốt. Trong khi đó, tỉ trọng tài sản dài hạn mà đặc biệt trong đó là tỉ trọng tài sản cố định giảm mạnh do Công ty đã đầu tư khá hoàn thiện máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất sẵn sàng phục vụ cho sản xuất.

- Về cơ cấu nguồn vốn, Công ty sử dụng nợ nhiều hơn vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2016 là 143,4%, trong khi năm 2015 chỉ là 86,5% cho thấy phụ thuộc khá



hiều vào nợ vay để hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo được mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế qua đó chứng tỏ đã sử dụng khá hiệu quả đòn bẩy tài chính.

*** Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

- Chỉ số về vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng nhẹ. Trong năm 2015, vòng quay hàng tồn kho là 17,1 vòng/năm, năm 2016, vòng quay hàng tồn kho tăng lên đôi chút là 18,3 vòng/năm. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng trong năm 2016 cho thấy nhu cầu tiêu thụ của thị trường về bột cá, mỡ cá và dầu cá ngày càng tăng.

- Chỉ số vòng quay tài sản đo lường khả năng doanh nghiệp tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản của Công ty, chỉ số này giảm nhẹ từ 1,2 năm 2015 xuống còn 1,0 năm 2016.

*** Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty**

- Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty trong năm 2016 có sự giảm nhẹ do tốc độ tăng doanh thu của công ty là 43,7%, trong khi giá vốn hàng bán tăng 45,3%; chi phí bán hàng tăng 90,3%, chi phí tài chính tăng 69,2% và chi phí khác tăng 58,3% so với năm 2015 làm lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ tăng 14,4% so với năm 2015. Nguyên nhân là do giá nguyên liệu đầu vào biến động tăng và công ty đẩy mạnh tăng đầu ra cho các sản phẩm nên chi phí bán hàng tăng đáng kể.

- Do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán và hầu hết các loại chi phí đều tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu nên dẫn đến các suất sinh lời đều giảm nhẹ so với năm 2015.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.

1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần Công ty Trisedco theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 28/03/2017 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Chung	0303141296	Quốc Lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, H. Lập Vò, T. Đồng Tháp	30.192.600	79,25
Tổng cộng				30.192.600	79,25

2. Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 “Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy CNĐKDN, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”. Hiện nay, quy định về hạn chế

chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của Công ty Trisedco.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Họ & tên	Số ĐKSH / CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM). Đại diện theo pháp luật là Ông Lê Thanh Thuận.	1600169024	326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.	1.500.000	3,94%
2	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia (IDI). Đại diện theo pháp luật là Ông Lê Văn Chung.	303141296	Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	30.192.600	79,25%
3	Lê Thanh Thuận	350006170	326 Hùng Vương, P Mỹ Long, Long Xuyên AG	1.500.000	3,94%
4	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	50.500	0,13%
5	Lê Văn Chung	351393479	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	120.500	0,32%
6	Lê Xuân Quế	351259440	40/42 Lê Lợi, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	33.500	0,09%
7	Trương Vĩnh Thành	352244166	83 E1 Khu Đô Thị Sao Mai, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang An Giang	5.500	0,0144%
8	Lê Văn Thủy	351627326	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên An Giang	87.800	0,23%
9	Võ Thị Hồng Tâm	351220418	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	500	0,00%
10	Phạm Đình Nam	351333247	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang	18.500	0,05%
11	Võ Thị Thanh Tâm	351343854	Mỹ Bình, LX, AG.	-	0,00%
12	Võ Quốc Chánh	351387175	Bình Khánh, LX, AG	-	0,00%
13	Lê Văn Thành	351400599	706 Hà Hoàng Hổ	16.100	0,04%



TT	Họ & tên	Số ĐKSH / CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
			Long Xuyên An Giang		
14	Võ Quốc Hưng	024355640	P.8, Q.6, TP.HCM	-	0,00%
15	Nguyễn Thị Hà	352042198	Số 49/30, Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang	20.000	0,05%
16	Trần Văn Cừ	351700797	Mỹ Khánh, LX, AG.	27.700	0,07%
17	Nguyễn Hồng Ngự	351485451	Số 49/30, Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, TP Long Xuyên, AnGiang	10.300	0,03%
18	Nguyễn Thị Diệu Hiền	351355224	Bình Long 2, Mỹ Bình, Long Xuyên An Giang	10.500	0,03%
19	Lê Văn Tình	361485996	Thới Bình, NK, CT	300	0,00%
Tổng cộng:				33.599.000	88,19%

3. Cơ cấu cổ đông.

Tổng số cổ phần hiện tại của công ty là 38.100.000 cổ phần. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2017

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

TT	Nhóm cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị theo	Tỷ lệ
		(cổ đông)	(cổ phần)	mệnh giá (VND)	(%)
I.	Cổ đông trong nước	434	38.099.960	380.999.960.000	100,00
1.	Cổ đông tổ chức	2	31.692.600	316.926.000.000	83,19
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	-	-	-
2.	Cổ đông cá nhân	432	6.407.360	64.073.960.000	16,81
	<i>Trong đó:</i>				-
	- HĐQT, BKS, BGĐ, KTT	14	1.729.400	17.294.000.000	4,54
II.	Cổ đông nước ngoài	1	40	400.000	0,00
1.	Cổ đông tổ chức	1	-	-	-
2.	Cổ đông cá nhân	0	40	400.000	0,00
III.	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	-
Tổng cộng		435	38.100.000	381.000.000.000	100

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

Nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất tại công ty TRISED CO luôn là yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty. Để chủ động hơn với nguồn phụ phẩm cá tra/basa, các Công ty thủy sản thuộc đơn vị trong Tập Đoàn Sao Mai, với vùng nuôi khép kín, luôn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng. Do đó, đây là yếu tố tác động mạnh mẽ làm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng của Công ty TRISED CO với giá thành sản xuất hợp lý.

Sản phẩm mỡ cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá tra/cá basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình sản xuất khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy dầu cá.

Với địa thế và vị trí là trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng các sản phẩm cá tra/basa tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng cung ứng nhiều nhất cả nước. Quanh năm, TRISED CO luôn có được một nguồn cung ứng dồi dào về mặt số lượng, và các nguồn nguyên liệu cung cấp luôn đạt được độ tươi rất cao với khoảng cách vận chuyển không quá 30 phút. Thì đây chính là hai yếu tố tác động rất lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm của Nhà máy TRISED CO khi so sánh với các đơn vị, nhà máy trong các khu vực lân cận.

2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng trực tiếp: sử dụng năng lượng điện cung cấp cho sản xuất khoảng 30.000 kw/tháng.

- Năng lượng gián tiếp: hơi nước bão hòa được cung cấp từ 02 lò hơi có công suất 08 tấn/lò/giờ và 02 lò hơi có công suất 4 tấn/lò/giờ.

3. Tiêu thụ nước.

Lượng nước sử dụng: 300m³/ngày, đêm. Nguồn nước sử dụng từ giếng khoan của công ty cổ phần đầu tư phát triển đa quốc gia IDI cấp sang.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Công ty có lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco” được phê duyệt theo quyết định số 456/QĐ-UBND.HC ngày 14/06/2010 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

- Công ty có giấy xác nhận số 732/STNMT-CCBVMT ngày 13/06/2012 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco.

- Công ty thực hiện và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 06 tháng/lần và được Sở tài nguyên và môi trường xác nhận.

5. Trách nhiệm đối với cộng đồng.

- Công ty luôn nhận định, chiến lược phát triển chung của Công ty là luôn đi kèm với việc thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện. Vì vậy, trong thời gian qua và sắp tới công ty sẽ

tiếp tục chia sẻ một phần lợi nhuận của mình cho các hoạt động mà công ty đã gắn bó: Đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo; tham gia chương trình ăn tết với người nghèo...



Một số hình ảnh các hoạt động xã hội, từ thiện

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

Năm 2016, kinh tế thế giới đã cho thấy có nhiều khó khăn. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2016 chỉ đạt 2,6%. Tổng cầu yếu, vốn tồn lâu trong các ngành kinh tế chính gây hạn chế cho tăng trưởng toàn cầu, giá dầu và các hàng hóa khác giảm làm thiệt hại các nước xuất khẩu. Áp lực lạm phát toàn cầu góp phần đẩy nhanh việc thắt chặt tiền tệ ở một số nước đang phát triển, trong khi đó tình hình diễn biến ngược lại ở một số nước khác. Sự khác biệt giữa các nước gia tăng trong việc áp dụng lãi suất đồng vốn trên toàn cầu làm yếu đi việc chu chuyển các luồng vốn và tạo ra áp lực lên tỷ giá hối đoái ở các nước.

Trong nước, theo “Báo cáo của chính phủ về tình hình kinh tế xã hội trong năm 2016” thì tốc độ tăng trưởng năm 2016 ước tính đạt 6,21%, không đạt so với mục tiêu tăng trưởng đề ra là 6,70% . Bên cạnh những thuận lợi từ dấu hiệu khởi sắc của năm 2015, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu. Rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc, tình trạng hạn hán tại Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và xâm nhập mặn nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Trước bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thử thách. Trong năm 2016, với định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, sự quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã vượt qua những trở ngại và đã đạt được những thành quả rất đáng khích lệ.

1. Tổng quan về hoạt động của công ty năm 2016.

- Doanh thu thuần năm 2016 đạt 944,7 tỷ đồng. So với năm 2015 tăng 287,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 43,7%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt: 24,4 tỷ đồng so với năm 2015 là 21,3 tỷ đồng, đạt tỉ lệ tăng trưởng 14,3%.

* Thuận lợi và khó khăn.

- Thuận lợi

+ Xu hướng mới của thị trường khi chuyển qua sử dụng bột cá tra/basa đã thúc đẩy các đơn vị sản xuất thức ăn gia súc, trong đó có TRISEDCO với các sản phẩm có chất lượng ngày càng cải tiến và có độ tin cậy cao.

+ Vị trí địa lý tại khu vực lân cận Công ty TRISEDCO có sự xuất hiện của rất nhiều nhà máy chế biến thủy sản cá tra/basa vì đây là trung tâm của cả nước cho ngành nghề sản xuất và chế biến loại cá này. Do đó, đây chính là điều kiện thuận lợi trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu có chất lượng cao cho Công ty.

+ Công ty qua một quãng thời gian đi vào hoạt động, đã tự đào tạo cho mình những cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm. Kết hợp với đó là việc đưa vào sử dụng máy móc, linh kiện, thiết bị tiên tiến và hiện đại nhất của thế giới đã giúp công ty TRISEDCO khẳng định mình là đơn vị hàng đầu trong sản xuất bột cá và mỡ cá nhằm phục vụ cho nhu cầu thị trường ngày càng cao trong và ngoài nước.

+ Được sự chỉ đạo kịp thời, sự đồng lòng, phối hợp nhịp nhàng của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Bộ phận lãnh đạo nhà máy và các phòng, ban trong Công ty đã luôn đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Khó khăn

+ Bên cạnh những thuận lợi trên, kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm qua có nhiều biến động, thị trường cạnh tranh khắc nghiệt là thách thức không nhỏ cho tập thể lãnh đạo và công nhân viên của công ty TRISED CO.

+ Hệ thống giao thông vận tải tại địa bàn tỉnh An Giang và các khu vực lân cận chưa hoàn thiện, vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa tải trọng cao. Mặt khác, vẫn còn cách trở khi giao thông qua sông Tiền gây mất thời gian và chi phí.

+ Chi phí cho dịch vụ giao thông vận tải bằng đường bộ trong nước còn cao, nên đã phần nào làm tăng giá thành hàng hóa bán ra dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm của Công ty.

+ Ngoài ra, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp làm gia tăng dịch bệnh trong ngành chăn nuôi thủy sản đã ảnh hưởng không nhỏ đến vùng nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, gây khó khăn cho ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản – là nguồn cung nguyên liệu chủ yếu cho nhà máy chế biến bột và mỡ cá tra/basa.

+ Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Công ty sản xuất bột – mỡ cá tra/basa, tính đào thải cao theo qui luật tất yếu của thị trường cạnh tranh khiến các doanh nghiệp, nhà máy phải không ngừng cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong khi đó, các doanh nghiệp phải đảm bảo bài toán cân bằng giữa chi phí và lợi nhuận là vấn đề không hề đơn giản.

2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

2.1. Về điều hành sản xuất.

Tiếp tục triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào, các định mức sản xuất, đơn giá tiền lương, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động. Tập trung chỉ đạo trực tiếp đối với dầu cá, bột cá, mỡ cá là những sản phẩm cần nâng cao hơn nữa về chất lượng, bột cá sản xuất ra có độ đậm cao trên 62 phải chiếm tỷ trọng nhiều hơn nữa, đối với mỡ cá cần giảm tối đa chỉ tiêu về AV nhằm đảm bảo chất lượng cho việc sản xuất dầu, đặc biệt về dầu cá thực phẩm..... Ban Tổng giám đốc trực tiếp xuống nhà máy nắm bắt tình hình, chấn chỉnh kịp thời những bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các giải pháp về cơ cấu sản phẩm, chất lượng và giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh.

2.2. Về công tác thị trường

Tổ chức cấu trúc lại hệ thống kinh doanh theo từng lĩnh vực sản phẩm để chuyên nghiệp hóa việc bán hàng, tập trung nguồn lực đầu tư vào thị trường. Rà soát, xây dựng và ban hành quy chế bán hàng đảm bảo tính cạnh tranh, xây dựng hệ thống đại lý tin cậy rộng khắp từ thành thị tới các quận, huyện, các khu dân cư. Tổ chức khảo sát thị trường, các đối thủ cạnh tranh để từ đó có chiến lược về cơ cấu sản phẩm, mẫu mã, chất lượng, chính sách bán hàng và giá cả phù hợp với thị trường.

Xây dựng chiến lược xuất khẩu sản phẩm của Công ty trung và dài hạn, có chính sách riêng biệt đối với từng sản phẩm, từng khu vực của thị trường xuất khẩu, thực hiện mục tiêu xuất khẩu đạt 30% sản lượng sản xuất của Công ty, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu.



Lễ ký kết hợp đồng giữa Tập đoàn Sao Mai và Tập đoàn Koyo Nhật Bản

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.

- Năm 2016, tổng tài sản của công ty đạt 1.095,6 tỷ đồng tăng 299,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 37,6% so với năm 2015.

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng tài sản	796.064.283.609	1.095.609.379.618	299.545.096.009	37,6
	- Tài sản ngắn hạn	384.831.795.859	680.150.818.623	295.319.022.764	76,7
	- Tài sản dài hạn	411.232.487.750	415.458.560.995	4.226.073.245	1,0
3	Khoản phải thu ngắn hạn	189.348.086.486	273.086.572.865	83.738.486.379	44,2
4	Khoản phải thu dài hạn	5.017.612.000	8.303.915.359	3.286.303.359	65,5
5	Nợ phải trả	369.213.822.468	645.410.277.385	276.196.454.917	74,8
	- Nợ ngắn hạn	168.959.168.963	462.120.762.082	293.161.593.119	173,5
	- Nợ dài hạn	200.254.653.505	183.289.465.303	-16.965.188.202	-8,5

- Trong cơ cấu tổng tài sản năm 2016 thì tài sản ngắn hạn đạt 62,1% tổng tài sản và tài sản dài hạn đạt 37,9% tổng tài sản. Tình hình trên là do trong năm 2016, công ty mở rộng qui mô sản xuất, bên cạnh việc tăng sản lượng

bằng sản xuất, công ty còn đẩy mạnh thương mại nên nhu cầu về vốn tăng, đặt biệt là vốn lưu động.

- Khoản phải thu ngắn hạn năm 2016 của khách hàng tăn hơn 83 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 44,2% so với năm 2015. Do tình hình tiêu thụ sản phẩm năm 2016 tốt hơn năm 2015 nên các khoản phải thu ngắn hạn tăng theo cũng là điều hợp lý, cho thấy công ty đã có chính sách bán hàng khá linh hoạt để tăng doanh số. Trong khi đó khoản phải thu dài hạn năm 2016 mặc dù tăng so với năm 2015 nhưng chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với khoản phải thu ngắn hạn.

- Cùng với việc doanh thu tăng trưởng mạnh trong năm 2016 thì Nợ phải trả của công ty cũng tăng 276,2 tỷ đồng so với năm 2015 tương ứng tỷ lệ tăng 74,8%. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn qua 02 năm tăng 293,2 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 173,5%. Các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu bổ sung cho nguồn vốn lưu động để phục vụ sản xuất và kinh doanh và tất yếu các khoản nợ dài hạn sẽ có xu hướng giảm tương ứng.

III. NHỮNG CÁI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ.

1. Về cơ cấu tổ chức.

Kiên toàn lại bộ máy nhân sự ở các phòng, ban theo chủ trương của Hội đồng quản trị công ty.

Xây dựng và trình HĐQT Công ty Trisedco ban hành các quy chế hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và quản lý công ty. Tập huấn các phòng ban có liên quan triển khai các quy định mới về công bố thông tin, chế độ báo cáo, thời hạn báo cáo theo quy định của UBCK đối với công ty niêm yết.

2. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả CB-CNV, xây dựng chế độ tiền lương, thưởng, và phụ cấp phù hợp để động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc, sáng tạo, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Có kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ quản lý của nhân viên và nâng cao tay nghề cho công nhân để đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong CB-CNV để mọi người đều có nhận thức tốt về lao động, đoàn kết, đạo đức trong lối sống và phát huy truyền thống vượt khó của Tập Đoàn Sao Mai An Giang, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức Đoàn thể giúp công ty vượt qua những khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.

1. Triển vọng năm 2017.

1.1. Triển vọng đối với ngành bột cá

- Trong triển vọng phát triển của ngành chế biến bột cá theo dự báo của FAO, sản phẩm bột cá tra/basa sẽ chính là xu thế lựa chọn mới và tiềm năng cho các nhà sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản. Đây chính là một cơ hội mới cho các đơn vị cung ứng nguyên liệu bột cá tra/basa trong nước. Không những vậy, việc suy giảm nguồn cung từ việc đánh bắt cá biển từ Peru (với hơn 80% thị phần xuất khẩu bột cá biển trên thế giới) cũng làm giảm đi rất nhiều khả năng cung ứng của dòng sản phẩm này trên thị trường và cũng là tiền đề

cho sản phẩm bột cá tra/basa đi lên, từng bước lần dần sang thị phần bột cá lớn nhất thế giới là Trung Quốc với hơn 70% định mức tiêu thụ thức ăn gia súc của thế giới.

- Trong thức ăn chăn nuôi thì bột cá được xem như là một trong những thành phần rất có giá trị. Nó có vị ngon và chất lượng rất tốt, cung cấp đủ protein với các axit béo thiết yếu giúp vật nuôi phát triển tốt. Tại Việt Nam, chỉ có khoảng hơn 40 Công ty có các nhà máy chế biến bột cá rải rác từ Bắc đến Nam và rất nhiều doanh nghiệp dự kiến sẽ đầu tư nhà máy sản xuất bột cá/mỡ cá để tận dụng được nguồn phụ phẩm từ cá tra/basa. Do đó đây thực sự là một ngành rất tiềm năng và sẽ còn phát triển hơn nữa trong những năm tới.

- Trong năm 2017, Tập đoàn Sao Mai sẽ xây dựng xong Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất thiết kế khoảng 1.200 tấn/ngày, hoàn thành chuỗi nuôi trồng thủy sản khép kín, tạo điều kiện thuận lợi cho Trisedco gia tăng doanh thu, lợi nhuận.

1.2. Triển vọng đối với ngành dầu ăn

Ngành dầu ăn được đánh giá là ngành triển vọng do nhu cầu tăng. Theo ước tính từ Euromonitor, ngành dầu ăn tăng khoảng 07% về sản lượng và khoảng 12% về giá trị trong năm 2013. Viện Nghiên cứu chiến lược và chính sách công nghiệp dự báo, tiêu thụ dầu ăn trên đầu người tại Việt Nam sẽ tăng gần gấp ba lần vào năm 2020.

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam, lượng tiêu thụ dầu ăn có nguồn gốc từ thực vật là chủ yếu, riêng đối với mảng dầu cá từ lâu đã được coi là một sản phẩm tốt cho mắt và tim mạch vẫn còn hạn chế do giá thành cao. Dầu cá phổ biến là dầu cá biển được trích từ mỡ cá hồi, cá ngừ, cá trích là các loại cá sống ở vùng biển lạnh và sâu. Tuy nhiên, nguồn cung nguyên liệu đầu vào để sản xuất dầu cá biển hiện nay đang gặp khó khăn do sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, đánh bắt quy mô thương mại dẫn đến mất cân bằng, làm nguồn nguyên liệu chế biến dầu cá biển dần bị hạn chế, đẩy giá thành sản phẩm dầu cá biển ngày càng cao, cần thiết phải có một nguồn nguyên liệu khác thay thế.

Được xem là mặt hàng thủy sản xuất khẩu đứng thứ 2 của Việt Nam, với sản lượng cá Tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, sản lượng mỡ cá Tra thô thu được hàng năm hơn 140.000 tấn. Dầu ăn tinh luyện từ mỡ cá tra/basa không chứa cholesterol và chứa nhiều vitamin, các khoáng chất cần thiết tốt cho sức khỏe đồng thời đảm bảo về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISEDSCO theo kết quả nghiên cứu của Viện dinh dưỡng quốc gia cho thấy, dầu cá cao cấp RANEE có đầy đủ các dưỡng chất tự nhiên, có tính năng tương đồng với các sản phẩm dầu cá được chiết xuất từ cá biển phải nhập khẩu từ nước ngoài. Cụ thể, dầu cá cao cấp RANEE có nhiều thành phần dinh dưỡng tự nhiên thiết yếu cho cơ thể như: các axit béo không no; Omega 3, 6, 9; các thành phần khoáng vi lượng; vitamin E, EPA, DHA,... Ngoài ra, sản phẩm dầu cá RANEE có độ tinh khiết cao và được bổ sung vitamin A - đây là một ứng dụng mới, lần đầu tiên được áp dụng trong thực tế trên sản phẩm dầu ăn.

Sản phẩm dầu cá tinh luyện của TRISEDSCO là sản phẩm đầu tiên trên thế giới được lấy từ mỡ cá tra/basa và là sản phẩm hoàn toàn mới được bán trên thị trường, nhưng đủ khả năng để cạnh tranh so với các loại sản phẩm dầu ăn thực vật do hệ thống phân phối tiện lợi, sản phẩm giàu dinh dưỡng và chất lượng cao, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào trong nước nên giá thành hợp lý, kết hợp với chiến lược marketing phù hợp sẽ góp phần giúp Công ty đẩy mạnh sản phẩm dầu cá tinh luyện ra thị trường trong thời gian tới cũng như dần thay đổi thói quen của người tiêu dùng trong việc lựa chọn sử dụng dầu ăn tinh luyện từ dầu thực vật sang dầu cá tinh luyện.

2. Công suất hoạt động khả thi tối đa của nhà máy.

- Hiện tại, nhà máy đang chạy 03 dây chuyền gồm 01 dây chuyền nhập khẩu của Thái Lan, 01 dây chuyền nhập khẩu của Trung Quốc và 01 dây chuyền do Công ty Quang Huy BK lắp ráp với công suất thiết kế tổng cộng là 390 tấn phụ phẩm/ngày. Sau khi trừ đi thời gian nghỉ của công nhân và độ phân hủy của phụ phẩm thì công suất khả thi tối đa của nhà máy còn khoảng 300 tấn phụ phẩm/ngày.

- Tỷ lệ thu hồi thành phẩm từ sản xuất năm 2017 dự kiến như sau:

- + Bột cá từ 18% → 19% trên phụ phẩm nguyên liệu đưa vào sản xuất.
- + Mỡ cá từ 23% → 24% trên phụ phẩm nguyên liệu đưa vào sản xuất.
- + Sản phẩm phụ 4,7% → 5,0% trên phụ phẩm nguyên liệu đưa vào sản xuất.

DVT: tấn

SẢN PHẨM	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm
Bột cá	3.564	3.564	4.212	4.212	15.552
Mỡ cá	4.752	4.752	5.616	5.616	20.736
Bao tử	139	139	164	164	605
Bong bóng	277	277	328	328	1.210
Vây cá + Ưc cá	594	594	702	702	2.592

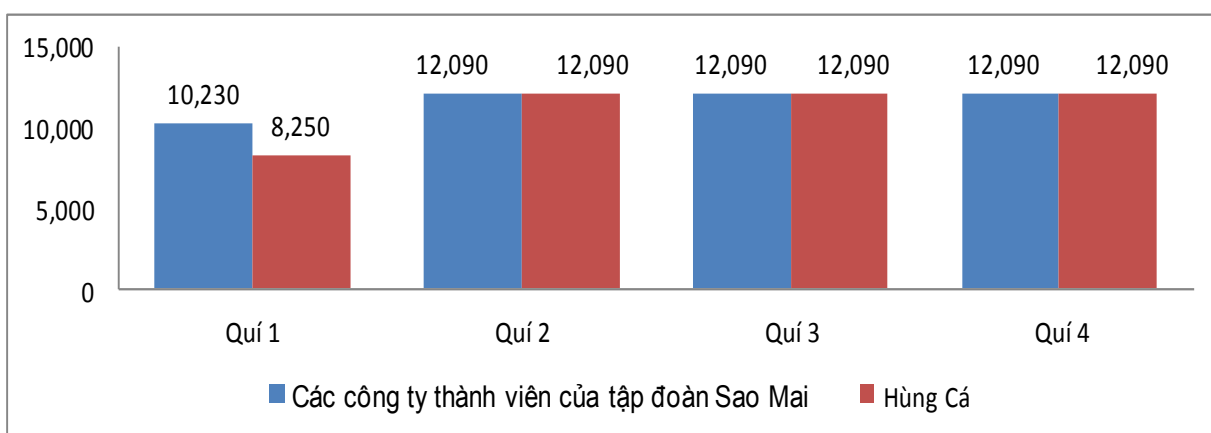
Công suất hoạt động khả thi tối đa của nhà máy

3. Khả năng thu mua phụ phẩm nguyên liệu

- Do đặc điểm của phụ phẩm nguyên liệu từ cá tra/basa cần phải giữ được độ tươi nhất định khi đưa vào sản xuất. Phụ phẩm để càng lâu, càng làm giảm chất lượng của thành phẩm bên cạnh việc phải đảm bảo về tính kinh tế trong quá trình vận chuyển. Do đó, khi chọn nơi cung cấp phụ phẩm cần phải đảm bảo 02 điều kiện, đó là:

- + Nguồn cung cấp nguyên liệu phụ phẩm phải nằm trong phạm vi bán kính đối với công ty từ 60 – 80km;
- + Sản lượng các nhà máy cung cấp phải đạt tối thiểu 30 tấn/ngày.
- Các công ty thành viên của tập đoàn Sao Mai luôn cung cấp nguồn phụ phẩm nguyên liệu khá ổn định cho Trisedco.

- Mặt khác, trên thị trường mua bán phụ phẩm nguyên liệu hiện nay có 02 phương pháp tính: theo đầu cân và theo tỉ lệ. Tuy nhiên, việc thu mua phụ phẩm nguyên liệu của người bán tính theo tỉ lệ dẫn đến thất thoát khá cao làm tăng giá thành, ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Do đó, trong năm 2017, công ty dự kiến chọn lựa nguồn thu mua phụ phẩm nguyên liệu có chất lượng cao với giá cả chấp nhận được đó là các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai và Hùng Cá. Tuy nhiên, nếu việc mua phụ phẩm từ 02 nơi cung cấp này không đạt theo yêu cầu, công ty sẽ nghiên cứu mở rộng sang các nhà cung cấp khác nhưng phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu trên.



Khả năng thu mua phụ phẩm nguyên liệu năm 2017 (ĐVT: tấn)

4. Công suất thực tế dự kiến năm 2017

Hiện nay, nguồn nguyên liệu phụ phẩm từ cá tra/basa khá khan hiếm, hầu như không đủ cho sản xuất bởi vì nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào tình hình xuất khẩu của các công ty xuất khẩu thịt cá tra/basa phi lê. Do đó, trong năm 2016 và dự báo năm 2017 sắp đến, tình hình thiếu nguyên liệu để sản xuất vẫn còn tiếp diễn, bên cạnh công suất của các lò hơi hiện nay cũng có những hạn chế nhất định làm cho nhà máy không thể vận hành hết công suất khả thi tối đa được

ĐVT: SL: tấn; GT: triệu đồng

Sản phẩm	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4		Cả năm	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
Bột cá	1.120	29.399	1.723	45.229	3.229	84.767	4.212	110.565	10.284	269.959
Mỡ cá	1.585	27.427	2.439	42.195	4.306	74.487	5.616	97.157	13.946	241.265
Bao tử	44	1.045	67	1.608	126	3.014	164	3.931	400	9.598
Bong bóng	87	3.049	134	4.690	251	8.791	328	11.466	800	27.995
Vây cá, Ưc cá	187	2.612	287	4.018	538	7.535	702	9.828	1.714	23.993
Tổng cộng		63.531		97.739		178.593		232.947		572.810

Công suất hoạt động thực tế dự kiến của nhà máy năm 2017

- Từ tháng 01→06 (Quý 1,2): Lượng phụ phẩm trung bình 01 tháng 145 tấn/ngày. Bột cá thu hồi 18%; mỡ cá thu hồi 24%; Bao tử thu hồi 0.7%; Bong bóng thu hồi:1.4%; Vây cá và ức cá thu hồi: 3%. Mỗi tháng sản xuất 22 ngày.

- Từ tháng 07→09 (Quý 3): Lượng phụ phẩm trung bình 01 tháng 230 tấn/ngày. Bột cá thu hồi 18%; mỡ cá thu hồi 24%; Bao tử thu hồi 0.7%; Bong bóng thu hồi:1.4%; Vây cá và ức cá thu hồi: 3%. Mỗi tháng sản xuất 26 ngày.

- Từ tháng 09→12 (Quý 4): Lượng phụ phẩm trung bình 01 tháng 300 tấn/ngày. Bột cá thu hồi 18%; mỡ cá thu hồi 24%; Bao tử thu hồi 0.7%; Bong bóng thu hồi:1.4%; Vây cá và ức cá thu hồi: 3%. Mỗi tháng sản xuất 26 ngày.

Bắt đầu từ quý 3 trở đi, công suất của nhà máy tăng lên do đầu tư thêm 02 lò hơi thay thế cho 02 lò hơi được sản xuất từ lâu với công nghệ đã lỗi thời phục vụ cho sản xuất.



5. Kế hoạch thương mại năm 2017.

- Do thiếu hụt nguồn nguyên liệu phụ phẩm nên công ty phải thực hiện kinh doanh thương mại bột cá (mặt hàng xuất khẩu chủ yếu) để tăng doanh thu do tận dụng thế mạnh của công ty: có qui mô hoạt động lớn và là một trong số ít các công ty xuất khẩu thức ăn thủy sản có giấy phép xuất bột cá đi Trung Quốc, thị trường tiêu thụ thức ăn thủy sản lớn nhất thế giới hiện nay.

- Căn cứ vào năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu trên thị trường, công ty lựa chọn các đơn vị cung cấp bột cá sau để kinh doanh thương mại với giá mua về ước tính trung bình là 25.320 đồng/kg.

DVT: SL: tấn; GT: triệu đồng

Tên đơn vị	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4		Cả năm	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
1. Bột cá tra	3.900	99.450	3.500	89.250	3.210	81.855	4.600	117.300	15.210	387.855
An lạc	195	4.973	300	7.650	250	6.375	400	10.200	1.145	29.198
Hữu Sáng	780	19.890	700	17.850	600	15.300	900	22.950	2.980	75.990
Nguyệt Trang	390	9.945	300	7.650	250	6.375	400	10.200	1.340	34.170
Ngọc Dung	390	9.945	300	7.650	300	7.650	400	10.200	1.390	35.445
Hòa Thuận	780	19.890	700	17.850	600	15.300	900	22.950	2.980	75.990
Hải Hương	195	4.973	200	5.100	310	7.905	300	7.650	1.005	25.628
Cửu Long	780	19.890	700	17.850	600	15.300	900	22.950	2.980	75.990
Hoàng Long	390	9.945	300	7.650	300	7.650	400	10.200	1.390	35.445
2. Bột cá biển	0	0	200	15.840	200	15.840	200	15.840	600	47.520
Kyodo	0	0	200	15.840	200	15.840	200	15.840	600	47.520
Tổng cộng	3.900	99.450	3.700	105.090	3.410	97.695	4.800	133.140	15.810	435.375

Kế hoạch kinh doanh thương mại bột cá năm 2017

6. Kế hoạch doanh thu thuần 2017.

Dựa trên kế hoạch sản xuất, công ty dự kiến kế hoạch doanh thu năm 2017 với giá bán (chưa thuế VAT) trung bình ước tính của các mặt hàng như sau:

Sản xuất	Giá (đồng/kg)	Thương mại	Giá (đồng/kg)
Bột cá tra	26.250	Bột cá tra	25.500
Mỡ cá tra	17.300	Bột cá biển	26.400
Bao tử cá tra	24.000		
Bong bóng cá tra	35.000		
Vây cá, ức cá	14.000		

Giá bán dự kiến của các mặt hàng năm 2017

ĐVT: SL: tấn; GT: 1.000 đồng

DOANH THU	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4		Cả năm	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
I. Sản xuất		63.530.643		97.739.450		178.592.700		232.947.000		572.809.793
Bột cá	1.120	29.398.688	1.723	45.228.750	3.229	84.766.500	4.212	110.565.000	10.284	269.958.938
Mỡ cá	1.585	27.426.555	2.439	42.194.700	4.306	74.486.880	5.616	97.156.800	13.946	241.264.935
Bao tử	44	1.045.200	67	1.608.000	126	3.013.920	164	3.931.200	400	9.598.320
Bong bóng	87	3.048.500	134	4.690.000	251	8.790.600	328	11.466.000	800	27.995.100
Vây cá + Ưc cá	187	2.611.700	287	4.018.000	538	7.534.800	702	9.828.000	1.714	23.992.500
II. Thương mại		99.450.000		105.090.000		97.695.000		133.140.000		435.375.000
Bột cá Tra	3.900	99.450.000	3.500	89.250.000	3.210	81.855.000	4.600	117.300.000	15.210	387.855.000
Bột cá biển	0	0	200	15.840.000	200	15.840.000	200	15.840.000	600	47.520.000
Tổng cộng		162.980.643		202.829.450		276.287.700		366.087.000		1.008.184.793

Kế hoạch doanh thu thuần năm 2017

7. Kế hoạch chi phí giá vốn.

ĐVT: SL: tấn; GT: 1.000 đồng

CHI PHÍ	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4		Cả năm	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
I/- Sản xuất		53.347.515		82.073.100		149.383.815		194.848.454		479.652.883
Bột cá	1.120	23.113.528	1.723	35.559.274	3.229	66.644.230	4.212	86.927.256	10.284	212.244.288
Mỡ cá	1.585	26.507.052	2.439	40.780.080	4.306	71.989.632	5.616	93.899.520	13.946	233.176.284
Bao tử	44	564.713	67	868.789	126	1.628.396	164	2.123.995	400	5.185.892
Bong bóng	87	1.051.036	134	1.616.978	251	3.030.748	328	3.953.149	800	9.651.911
Vây cá + Ưc cá	187	2.111.186	287	3.247.979	538	6.090.809	702	7.944.534	1.714	19.394.509
II/- Thương mại		98.748.000		104.460.000		97.117.200		132.312.000		432.637.200
Bột cá tra	3.900	98.748.000	3.500	88.620.000	3.210	81.277.200	4.600	116.472.000	15.210	385.117.200
Bột cá biển	0	0	200	15.840.000	200	15.840.000	200	15.840.000	600	47.520.000
Tổng cộng		152.095.515		186.533.100		246.501.015		327.160.454		912.290.083

8. Kế hoạch lợi nhuận gộp năm 2017.

ĐVT: SL: tấn; GT: 1.000 đồng

Lợi nhuận gộp	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4		Cả năm	
	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
I. Sản xuất		10.183.128		15.666.350		29.208.885		38.098.546		93.156.909
Bột cá	1.120	6.285.159	1.723	9.669.476	3.229	18.122.270	4.212	23.637.744	10.284	57.714.650
Mỡ cá	1.585	919.503	2.439	1.414.620	4.306	2.497.248	5.616	3.257.280	13.946	8.088.651
Bao tử	44	480.487	67	739.211	126	1.385.524	164	1.807.205	400	4.412.428
Bong bóng	87	1.997.464	134	3.073.022	251	5.759.852	328	7.512.851	800	18.343.189
Vây cá + Ưc cá	187	500.514	287	770.021	538	1.443.991	702	1.883.466	1.714	4.597.991
II. Thương mại		702.000		630.000		577.800		828.000		2.737.800
Bột cá tra	3.900	702.000	3.500	630.000	3.210	577.800	4.600	828.000	15.210	2.737.800
Bột cá biển	0	0	200	0	200	0	200	0	600	0
Tổng cộng		10.885.128		16.296.350		29.786.685		38.926.546		95.894.709

9. Dự kiến kết quả kinh doanh năm 2017.

ĐVT: 1.000 đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017		Tổng năm 2017
		Bột cá và SP phụ	Dầu cá Ranee	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	944.730.310	1.008.184.793	491.955.000	1.500.139.793
Giá vốn hàng bán	880.739.002	912.290.083	436.364.085	1.348.654.168
Lợi nhuận gộp	63.991.308	95.894.710	55.590.915	151.485.625
Doanh thu hoạt động tài chính	16.952.533	20.730.401		20.730.401
Chi phí tài chính	30.048.826	36.597.474	14.758.650	51.356.124
Chi phí bán hàng	17.175.734	28.779.118	22.137.975	50.917.093
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.439.831	14.956.733	7.146.712	22.103.445
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.279.450	36.291.786	11.547.578	47.839.364
Lợi nhuận khác	-27.437	-11.643	649.983	638.340
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.252.013	36.280.143	12.197.561	48.477.704
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.835.281	1.801.663	983.910	2.785.573
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.416.732	34.478.480	11.213.651	45.692.131

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

- Nhìn chung, doanh thu thuần năm 2016 đã đạt được kết quả khá ấn tượng. Cụ thể doanh thu năm 2016 đạt 944,7 tỷ đồng, tăng 285,9 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 43,7% đã cho thấy sự nỗ lực của tập thể CB-CNV của công ty trong năm qua.

- Nhu cầu về thị trường các mặt hàng bột cá, mỡ cá và dầu cá mà công ty sản xuất ngày càng tăng đã mở ra nhiều cơ hội nhưng vẫn đầy thách thức. Do đó, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động tổ chức đào tạo, tổ chức cải tiến theo các tiêu chuẩn về quy trình an toàn lao động, trách nhiệm xã hội, áp dụng và cải tiến quy trình sản xuất, phân công các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc trực tiếp giải quyết các công việc về sản xuất và hệ thống chất lượng.

- Quyết tâm cải tiến thể hiện từ hệ thống chất lượng, quy trình sản xuất chuyên biệt, hệ thống 5S, hệ thống kho bãi ...với sự học tập tích cực, tiếp thu những cái hay, cái mới từ bạn bè cũng như đối thủ cạnh tranh đã đem đến những tín hiệu khả quan cho việc mở rộng, khai thác các nguồn hàng trong những năm tiếp theo. Đặc biệt là cơ hội thúc đẩy sự cải tiến cho công ty nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu về các mặt hàng mà công ty sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể, sát với thực tiễn, thúc đẩy tăng cường sáng kiến, cải tiến và tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh, khai thác hiệu quả thiết bị, dây chuyền sản xuất.

- Công ty cũng chú trọng các chính sách chăm sóc những khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng tiềm năng. Nhờ đó, việc tiêu thụ sản phẩm của công ty đạt được sự tăng trưởng ổn định hàng năm.

- Năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 24,4 tỷ đồng, so với năm 2015 tăng 3,1 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 14,3%. Cho thấy công ty đã đạt được những thành công nhất định. Trong tình hình chi phí sản xuất kinh doanh diễn biến theo chiều hướng bất lợi, thì kết quả này tuy còn khiêm tốn nhưng cũng tạo được sự yên tâm và niềm tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong tương lai.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

- Ban Tổng Giám đốc đã đổi mới công tác quản trị điều hành, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, quy trình tuyển dụng nhân sự.... cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các quy định trong việc tổ chức Đại Hội cổ đông thường niên năm 2016.

- Thực hiện công bố thông tin kịp thời để nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị công ty, giúp cho cổ đông nắm rõ tình hình hoạt động cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho cổ đông.

- Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác quản lý cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các Giám đốc bộ phận, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh một cách kịp thời và hiệu quả.

- Để thực hiện tốt vai trò quản lý, Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu....từ đó chỉ đạo các biện pháp giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Luôn tạo điều kiện thuận lợi để CB-CNV phát huy năng lực sở trường của mình, sáng tạo trong công việc.

- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

- Ban hành những qui định nhằm nâng cao tính chặt chẽ trong quản trị tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng cập nhật kịp thời tình hình tài chính để đưa ra những chủ trương, phương hướng cho kế hoạch tương lai.

III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

- Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, cố gắng đạt mục tiêu kế hoạch đề ra với doanh thu thuần 2017: 1.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 45 tỷ đồng;

- Tập trung đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Công ty ngày càng phát triển;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với quy mô của Công ty nhưng vẫn theo cơ chế tinh gọn, thông suốt và hiệu quả;

- Cải tiến phương thức quản lý tạo sự kết nối giữa các bộ phận theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị công ty phù hợp với mô hình tổ chức;

- Tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017;

- Luôn quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Cổ đông và Cán bộ công nhân viên Công ty.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY.


I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2016 có 08 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, P.Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT. Trong đó, có 02 thành viên tham gia điều hành và 06 thành viên không tham gia điều hành. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trisedco	Số cổ phiếu sở hữu tại trisedco	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Văn Chung	CT.HĐQT	120.500	0,32%	
2	Lê Xuân Quế	PCT.HĐQT	33.500	0,09%	Kiểm TGD từ 01/01/2017
3	Nguyễn Văn Hưng	PCT.HĐQT	50.500	0,13%	Kiểm Phó TGD
4	Lê Thanh Thuận	TV.HĐQT	1.500.000	3,94%	
5	Trương Vĩnh Thành	TV.HĐQT	5.500	0,01%	
6	Lê Văn Thành	TV.HĐQT	16.100	0,04%	
7	Hồ Mạnh Dũng	TV.HĐQT	500	0,001%	
8	Lê Văn Chính	TV.HĐQT	500	0,001%	Kiểm TGD đến 01/01/2017

2. Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị.

	<p>Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch HĐQT sinh năm 1964 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, ông công tác tại xí nghiệp liên hiệp đường sắt Huế - Năm 1984-1987: Làm việc tại XN Liên Hiệp Đường sắt Huế. - Năm 1987 -1991: Làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. - Năm 1991 – 1994: Ông Trở về Việt Nam và Công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang; - Năm 1994 -1997: Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây; - Năm 1997- nay: Tham gia thành lập và điều hành Công ty Tập Đoàn Sao Mai.
<p>Chủ tịch HĐQT</p>	

Hiện tại, Ông giữ chức Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 120.500 cổ phần của công ty TRISED CO, chiếm 0,3163% vốn điều lệ.

- **Ông Nguyễn Văn Hưng:** Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (đã tóm tắt lý lịch ở nội dung Ban điều hành)

- **Ông Lê Xuân Quế:** Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (đã tóm tắt lý lịch ở nội dung Ban điều hành)



Thành viên HĐQT

Ông Lê Thanh Thuận – thành viên HĐQT sinh năm 1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

- + Từ 1977 đến 1979: Làm việc tại Sở xây dựng tỉnh An Giang
- + Từ 1979 đến 1980: Cán bộ của Sở quản lý nhà đất tỉnh An Giang
- + Từ 1982 đến 1986: Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang.
- + Từ 1986 đến 1992: Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang
- + Từ 1992 đến 1995: Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng
- + Từ 1997 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai.

Hiện nay, ông đang là thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Ông đang nắm giữ 1.500.000 cổ phần của công ty Trisedco, chiếm 3,9370% vốn điều lệ.




Thành viên HĐQT


Ông Trương Vĩnh Thành – thành viên HĐQT sinh 1977 tại Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định.

- Năm 1999, Ông về làm trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai sau khi tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư xây dựng.
- Từ năm 2001, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, TP. KCS, TP. Marketing Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai;
- Từ năm 2005 đến 2011: TP Quản lý Đầu tư Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI; Từ 2008 đến 2011, Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI
- Từ 2011 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Hiện nay, Ông là thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển thủy Sản. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại các Công ty khác như: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Ông đang nắm giữ 5.500 cổ phần của công ty TRISED CO, chiếm 0,0144% vốn điều lệ.

- Ông Lê Văn Chính: Thành viên Hội đồng quản trị (đã tóm tắt lý lịch ở nội dung Ban điều hành)

	<p>Ông Lê Văn Thành, sinh năm 1967 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1995 – 1998: Cán bộ kỹ thuật – Đội trưởng Đội xây dựng Số 05 Công ty Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; - Từ năm 1998 – 1999: Đội trưởng Đội xây dựng Số 05 Công ty Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; - Từ năm 1999 – 2003: Đội trưởng Đội xây dựng Số 05 – Phó phòng kế hoạch Công ty Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; - Từ năm 2003 – 2007: Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; - Từ năm 2007 – 2010: Trưởng phòng nhà đất Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; - Từ năm 2010 đến 12/2016: Trưởng phòng Quản lý bất động sản Tập đoàn Sao Mai; - Từ 12/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn Sao Mai.
<p>Thành viên HĐQT</p>	
<p>Hiện tại, Ông là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc công ty CP tập đoàn Sao Mai Ông đang nắm giữ 16.100 cổ phần Trisedco chiếm 0,0423% vốn điều lệ</p>	

	<p>Ông Hồ Mạnh Dũng – thành viên HĐQT sinh năm 1951 tại Đức Phổ, Quảng Ngãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1975 đến năm 2007 Ông là cán bộ văn phòng tỉnh ủy An Giang. - Từ 2007, Ông là trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị tại công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao mai. - Từ 2008 đến 2011 Ông làm Quyền Tổng Giám Đốc công ty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản. - Từ 2012 đến nay Ông giữ chức Trợ lý Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai
<p>Thành viên HĐQT</p>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức Trợ lý Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai; thành viên HĐQT Trisedco. Ông nắm giữ 500 cổ phần chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn luôn đảm bảo tỷ lệ 100%, không có thành viên nào ủy quyền cho HĐQT, với quyền hạn và trách nhiệm của mình Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát và hỗ trợ tích cực cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xem xét các vấn đề mang tính chiến lược và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, cụ thể bằng các Nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	01.2016/NQ-HĐQT	22/03/2016	- Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016.
2	02.2016/NQ-HĐQT	04/04/2016	- Nghị quyết triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông năm 2016.
3	03/NQ-ĐHCĐ/2016	20/06/2016	- Chuyển nhượng cổ phần công ty CP Dầu Cá Châu Á.
4	03.2016/NQ-HĐQT	08/08/2016	- Miễn nhiệm ông Lê Hoàng Cương thôi giữ chức vụ Giám Đốc Tài Chính.
5	04.2016/NQ-HĐQT	09/08/2016	- Bổ nhiệm ông Đinh Hoài Ân giữ chức vụ Giám Đốc Tài Chính.
6	01/NQ-HĐQT	26/12/2016	- Miễn nhiệm ông Lê Văn Chính thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc. Bổ nhiệm ông Lê Xuân Quế giữ chức vụ Tổng Giám đốc.


- Bổ sung các quy định tạo thuận lợi cho Công ty áp dụng khoa học kỹ thuật vào quản trị nhằm giảm gánh nặng về chi phí và tuân thủ pháp luật trong quản trị Công ty như công nhận giá trị pháp lý tài liệu điện tử, họp trực tuyến có giá trị như cách họp truyền thống, thừa nhận giá trị pháp lý của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác.


II. BAN KIỂM SOÁT.


1. Thành viên, cơ cấu của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011– 2016 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp để kiểm tra và giải quyết các vấn đề của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà Đại hội đồng cổ đông giao.

- Quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền của Ban kiểm soát, như tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên và cuộc họp khác của Công ty; bổ sung thêm nhiệm vụ đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

	<p>Bà Ngô Thị Tố Ngân sinh năm 1981 tại Mỹ Phú, Thủ Thừa, Long An.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2004 đến 2007: Kế toán Công ty TNHH SX&TM Trương Vui. - Từ 2008 đến nay: Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai - Hiện bà đang là Trưởng Ban Kiểm soát công ty Cổ Phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, hiện nay bà đang nắm giữ 300 cổ phần của công ty TRISED CO, chiếm 0,0008% vốn điều lệ.
<p>Trưởng Ban kiểm soát</p>	

	<p>Bà Trịnh Thị Ngọc sinh năm 1988 tại Thiệu Hóa, Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2009 đến nay: Kế toán Công ty CP Tập đoàn Sao Mai - Hiện nay bà đang là Thành viên Ban Kiểm Soát công ty Cổ Phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản, hiện bà đang nắm giữ 100 cổ phần của công ty TRISED.CO, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.
<p>TV. Ban kiểm soát</p>	

	<p>Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên sinh năm 1991 tại Thốt Nốt, Cần Thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 02 đến tháng 08/2014: Kế toán Công ty TNHH SXTM XNK Phú Quý - Từ tháng 09 đến tháng 11/2014: NV kinh doanh Công ty BĐS Sao Mai - Từ tháng 12/2014: NV Ban tái cấu trúc tài chính Công ty CP Tập đoàn Sao Mai. - Hiện nay: làm việc tại Ban quản lý chợ Bình Khánh 5, TP. Long Xuyên, An Giang - Hiện bà đang là Thành viên Ban Kiểm Soát công ty Cổ Phần Đầu Tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, hiện bà đang nắm giữ 0 cổ phần của công ty TRISED.CO.
<p>TV. Ban kiểm soát</p>	

2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp và tham gia các hoạt động cụ thể như sau:

- Tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển công ty.
- Kiểm tra tính chất hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và tuân thủ trong quản lý, điều hành của các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kinh doanh và báo cáo kiểm toán của công ty năm 2016.
- Phối hợp với các phòng ban và Ban điều hành để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, cũng như nhận định các rủi ro và đề xuất các phòng ban có những giải pháp cụ thể để đảm bảo kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công ty được hoàn thành.
- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty
- Kiểm tra việc công bố thông tin định kỳ và thông tin tức thời đầy đủ, kịp thời theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Nhìn chung, trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành được nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.

Ngoài mức lương mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì trong năm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác không nhận thêm bất kỳ khoản thù lao hay lợi ích nào khác.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Trong năm 2016, cổ đông nội bộ có giao dịch cổ phiếu như sau:

STT	Tổ chức, người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Lý do tăng/giảm	Số lượng tăng/giảm (cổ phiếu)
1	Trương Vĩnh Thành	TV. HĐQT	Bán	5.000

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Trong năm 2016, công ty không có hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị của công ty Trisedco.

Về cơ bản, công ty Trisedco đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84.8) 38205944 fax: (84.8) 38205942
- Website: aascs.com.vn

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán được đính kèm ở phần sau Báo cáo thường niên này).

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 04 năm 2017

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, QH&Đ



LÊ VĂN CHUNG



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN
THỦY SẢN**

Báo cáo tài chính

*Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 42





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 01 năm 2017. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **381.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KÊ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Thanh Thuận	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chính	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Xuân Quế	Tổng Giám đốc	<i>Bổ nhiệm ngày 01/01/2017</i>
Ông:	Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 01/01/2017</i>
Ông:	Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà	Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên

Đại diện theo phát luật:

Ông: Lê Xuân Quế

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Gia Thuận

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

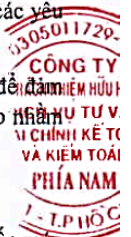
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



LÊ VĂN CHUNG

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

LÊ XUÂN QUẾ





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: *24*/BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh
Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

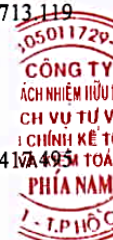
Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		680.150.818.623	384.831.795.859
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	91.736.486.743	129.487.881.338
111	1. Tiền		58.401.633.183	118.467.766.689
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.334.853.560	11.020.114.649
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	272.631.636.414	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		272.631.636.414	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		273.086.572.865	189.348.086.486
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	161.819.763.905	111.864.955.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		101.198.468.400	52.534.713.119
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	10.068.340.560	24.948.417.495
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	42.214.996.609	53.840.781.578
141	1. Hàng tồn kho		42.399.346.179	53.840.781.578
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(184.349.570)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		481.125.992	12.155.046.457
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10	481.125.992	660.365.930
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			11.494.680.527
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		415.458.560.995	411.232.487.750
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.303.915.359	5.017.612.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	8.303.915.359	5.017.612.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		225.827.577.109	359.442.187.252
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	70.495.204.566	185.632.474.365
222	- Nguyên giá		98.723.062.251	218.176.488.018
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.227.857.685)	(32.544.013.653)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.07	115.232.228.223	115.880.718.244
225	- Nguyên giá		129.559.899.450	118.887.765.096
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.327.671.227)	(3.007.046.852)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	40.100.144.320	57.928.994.643
228	- Nguyên giá		41.364.820.150	58.619.547.423
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.264.675.830)	(690.552.780)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.09	115.679.956.502	
231	- Nguyên giá		124.429.500.002	
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.749.543.500)	
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	64.345.734.542	46.669.314.194
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			38.680.500.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.418.973.891	10.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(23.239.349)	(2.430.159.697)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		53.950.000.000	
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.301.377.483	103.374.304
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	1.301.377.483	103.374.304
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.095.609.379.618	796.064.283.609



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		645.410.227.385	369.213.822.468
310	I. Nợ ngắn hạn		462.120.762.082	168.959.168.963
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	27.326.390.386	25.212.177.580
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.735.639.979	183.613.460
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	2.728.815.044	3.570.869.984
314	4. Phải trả người lao động			
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	1.691.333.425	1.294.894.118
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	425.563.121.715	137.690.193.097
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.075.461.533	1.007.420.724
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		183.289.465.303	200.254.653.505
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	183.289.465.303	200.254.653.505
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.15	450.199.152.233	426.850.461.141
410	I. Vốn chủ sở hữu		450.199.152.233	426.850.461.141
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		381.000.000.000	381.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		381.000.000.000	381.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.150.923.066	2.014.841.448
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.048.229.167	43.835.619.695
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		40.631.497.266	22.474.803.507
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		24.416.731.901	21.360.816.186
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.095.609.379.618	796.064.283.609



Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ XUÂN QUÊ



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	944.730.309.521	658.856.437.387
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02		1.604.155.884
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		944.730.309.521	657.252.281.503
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	880.739.001.681	606.331.156.936
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.991.307.840	50.921.124.567
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	16.952.533.260	7.849.579.421
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	30.048.826.319	17.763.191.215
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		30.971.070.144	14.457.591.346
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	17.175.733.526	9.026.654.470
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	7.439.831.492	7.064.316.172
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.279.449.763	24.916.542.131
31	11. Thu nhập khác	VI.07	64.185.616	
32	12. Chi phí khác	VI.08	91.622.235	57.874.083
40	13. Lợi nhuận khác		(27.436.619)	(57.874.083)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.252.013.144	24.858.668.048
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	1.835.281.243	3.497.851.862
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.416.731.901	21.360.816.186
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	641	561
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		641	561

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LIÊN XUÂN QUẾ



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.252.013.144	24.858.668.048
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		25.284.587.334	25.492.419.734
03	2. Các khoản dự phòng		207.588.919	61.412.487
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.749.321.233)	420.838.488
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.905.454.931)	(3.040.811.715)
06	5. Chi phí lãi vay		30.971.070.144	14.457.591.346
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.060.483.377	62.250.118.388
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(75.530.109.211)	(54.530.875.198)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.441.435.399	(36.709.126.806)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.284.771.265	(5.193.745.223)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.018.763.241)	67.184.547.935
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			5.987.860.287
14	- Tiền lãi vay đã trả		(30.971.070.144)	(14.457.591.346)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.507.792.454)	(638.109.845)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			556.843.364
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.241.045.009)	24.449.921.551
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.946.004.439)	(205.990.260.174)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.803.410.842	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(604.252.018.831)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		277.670.382.417	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(98.680.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.680.500.000	50.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.169.354.931	1.512.383.479
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(280.874.375.080)	(253.158.376.695)



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			230.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		890.357.717.450	585.031.022.357
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(610.371.591.691)	(455.746.182.424)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(17.166.696.429)	(11.463.186.881)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		262.819.429.330	347.821.652.952
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(37.295.990.759)	119.113.197.808
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		129.487.881.338	10.271.189.727
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(455.403.836)	103.493.803
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		91.736.486.743	129.487.881.338

Người lập biểu

LƯU TRẦN TẤN

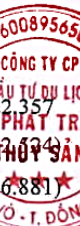
Kế toán trưởng

NGUYỄN GIA THUẬN

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2017
 Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



LÊ XUÂN QUÊ



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 01 năm 2017. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **381.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

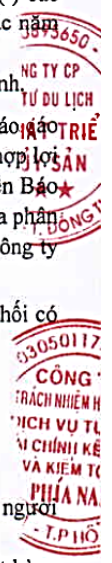
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt qua số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo. Theo thông tư 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014, hướng dẫn nghị định số 128/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013, từ ngày 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%, thay cho việc đang áp dụng thuế suất là 20%, tại mục 4 của Điều 19 (Thuế suất ưu đãi) và Điều 20 (Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế) của thông tư này. Công ty đang áp dụng mức thuế suất 8.5% (50% của 17% là 8.5%), vì còn trong thời kỳ được giảm 50%.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận, đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	24.970.825	50.031.807
- VND	24.970.825	50.031.807
Tiền gửi không kỳ hạn	58.376.662.358	118.417.734.882
- Tiền gửi (VND)	19.187.775.818	112.263.761.313
- Tiền gửi (USD)	39.188.886.540	6.153.973.569
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	33.334.853.560	11.020.114.649
- Tiền gửi có kỳ hạn	33.334.853.560	11.020.114.649
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	91.736.486.743	129.487.881.338



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
 a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	272.631.636.414	272.631.636.414		
- Tiền gửi có kỳ hạn	272.631.636.414	272.631.636.414		
b2) Dài hạn	53.950.000.000	53.950.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn	53.950.000.000	53.950.000.000		
Cộng	326.581.636.414	326.581.636.414		

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á	38.680.500.000		38.680.500.000	(2.403.709.043)
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Cty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính	10.418.973.891	(23.239.349)	10.418.973.891	(26.450.654)
- Cty CP Nhựt Hồng	6.418.973.891	(23.239.349)	6.418.973.891	(26.450.654)
Cộng	10.418.973.891	(23.239.349)	49.099.473.891	(2.430.159.697)

Do Công ty CP Dầu Cá Châu Á, Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính, Công ty CP Nhựt Hồng chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	161.819.763.905	111.864.955.872
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	108.731.657.227	92.238.813.463
+ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia		1.424.489.048
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	13.983.228.165	
+ XIAMEN C&D COMMODITY TRADING CO.,LTD	12.780.000.000	
+ Đối tượng khác	26.324.878.513	18.201.653.361
b) Dài hạn		
Cộng	161.819.763.905	111.864.955.872

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	10.068.340.560		24.948.417.495	
Tạm ứng	4.717.029.124		5.120.549.124	
Phải thu khác	5.351.311.436		19.827.868.371	
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			4.955.169.751	
+ Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh			1.649.770.000	
+ Công ty CP VISTAR			535.002.000	
+ Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành			1.978.281.000	
+ Công ty CT tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	4.083.329.092		4.900.000.000	
+ Đối tượng khác	1.267.982.344		5.809.645.620	
b) Dài hạn	8.303.915.359		5.017.612.000	
Ký cược, ký quỹ	8.303.915.359		5.017.612.000	
Cộng	18.372.255.919		29.966.029.495	

05 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gía gốc	Dự phòng	Gía gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	352.172.472		738.496.957	
- Thành phẩm	13.408.411.525	(184.349.570)	10.402.551.575	
- Hàng hóa	28.638.762.182		42.699.733.046	
Cộng	42.399.346.179	(184.349.570)	53.840.781.578	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 41.862.824.137 đ
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Giá thành phẩm Mỡ cá thấp hơn giá bán tại ngày 31/12/2016



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THUY SÀN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

06. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	Đơn vị tính: VND					
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	172.794.313.853	41.321.995.983	3.936.596.364	123.581.818		218.176.488.018
2. Số tăng trong năm		6.857.618.014	525.000.000			7.382.618.014
- Mua trong năm		6.857.618.014	525.000.000			7.382.618.014
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm	109.774.772.729	17.061.271.052				126.836.043.781
- Chuyển sang BĐS đầu tư	107.174.772.729					107.174.772.729
- Nhượng bán, thanh lý	2.600.000.000	17.061.271.052				19.661.271.052
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	63.019.541.124	31.118.342.945	4.461.596.364	123.581.818		98.723.062.251
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	22.562.486.710	8.763.456.782	1.110.352.678	107.717.482		32.544.013.653
2. Khấu hao trong năm	7.968.481.042	3.689.846.833	598.829.203	4.122.732		12.261.279.810
- Khấu hao trong năm	7.968.481.042	3.689.846.833	598.829.203	4.122.732		12.261.279.810
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm	8.642.743.492	7.934.692.286				16.577.435.778
- Chuyển sang BĐS đầu tư	7.588.299.080					7.588.299.080
- Nhượng bán, thanh lý	1.054.444.412	7.934.692.286				8.989.136.698
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	21.888.224.260	4.518.611.329	1.709.181.881	111.840.214		28.227.857.685
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	150.231.827.143	32.558.539.201	2.826.243.686	15.864.336		185.632.474.365
2. Tại ngày cuối năm	41.131.316.864	26.599.731.616	2.752.414.483	11.741.604		70.495.204.566

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 13.142.872 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 446.600.000 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
 - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DULỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

07. TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>							
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	118.418.952.098	468.912.998					118.887.765.096
2. Số tăng trong năm	10.672.134.354						10.672.134.354
- Thuế tài chính trong năm	10.672.134.354						10.672.134.354
- Tăng khác							
3. Số giảm trong năm							
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	129.090.986.452	468.912.998					129.559.899.450
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	3.000.534.171	6.512.681					3.007.046.852
2. Khấu hao trong năm	11.242.472.203	78.152.172					11.320.624.375
- Khấu hao trong năm	11.242.472.203	78.152.172					11.320.624.375
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính							
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm							
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	14.243.006.374	84.664.853					14.327.671.227
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	115.418.317.927	462.400.317					115.880.718.244
2. Tại ngày cuối năm	114.847.980.078	384.248.145					115.232.228.223

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 6.996.790.622 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuế tài chính

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuế tài chính, ông, ông có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	58.559.547.423			60.000.000		58.619.547.423	
2. Số tăng trong năm							
- Mua trong năm							
- Tăng khác							
3. Số giảm trong năm	17.254.727.273					17.254.727.273	
- Thanh lý, nhượng bán							
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	17.254.727.273					17.254.727.273	
4. Số dư cuối năm	41.304.820.150			60.000.000		41.364.820.150	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	630.552.780			60.000.000		690.552.780	
2. Khấu hao trong năm	1.323.268.195					1.323.268.195	
- Khấu hao trong năm	1.323.268.195					1.323.268.195	
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm	749.145.145					749.145.145	
- Thanh lý, nhượng bán							
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	749.145.145					749.145.145	
4. Số dư cuối năm	1.204.675.830			60.000.000		1.264.675.830	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	57.928.994.643					57.928.994.643	
2. Tại ngày cuối năm	40.100.144.320					40.100.144.320	

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Báo cáo tài chính

QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

09 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá		124.429.500.002		124.429.500.002
- Quyền sử dụng đất		17.254.727.273		17.254.727.273
- Nhà		107.174.772.729		107.174.772.729
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế		8.749.543.500		8.749.543.500
- Quyền sử dụng đất		781.829.466		781.829.466
- Nhà		7.967.714.034		7.967.714.034
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại		115.679.956.502		115.679.956.502
- Quyền sử dụng đất		16.472.897.807		16.472.897.807
- Nhà		99.207.058.695		99.207.058.695
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 87.732.633.140 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không có



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
a) Ngắn hạn	481.125.992	660.365.930
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	481.125.992	660.365.930
b) Dài hạn	1.301.377.483	103.374.304
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.301.377.483	103.374.304
Chi phí khác		
Cộng	1.782.503.475	763.740.234

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	379.687.123.996	379.687.123.996	840.289.862.650	580.305.638.084	119.702.899.430	119.702.899.430
Vay ngắn hạn - USD	25.296.900.000	25.296.900.000	39.613.097.600	14.316.197.600		
Cộng	404.984.023.996	404.984.023.996	879.902.960.250	594.621.835.684	119.702.899.430	119.702.899.430
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	134.642.303.157	134.642.303.157	11.009.473.080	15.818.926.918	139.451.756.995	139.451.756.995
Trên 5 năm	134.642.303.157	134.642.303.157	11.009.473.080	15.818.926.918	139.451.756.995	139.451.756.995
Cộng	134.642.303.157	134.642.303.157	11.009.473.080	15.818.926.918	139.451.756.995	139.451.756.995





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính
Từ 1 năm trở xuống	3.357.712.529	576.689.417	2.781.023.112	6.771.053.913
Trên 1 năm đến 5 năm	20.805.774.522	6.420.101.205	14.385.673.317	5.636.163.783
Cộng	24.163.487.051	6.996.790.622	17.166.696.429	12.407.217.696
d) Giá trị nợ thuế tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn	20.579.097.719	20.579.097.719	17.987.293.667	17.987.293.667
Gốc nợ thuế tài chính	20.579.097.719	20.579.097.719	17.987.293.667	17.987.293.667
Lãi thuế tài chính phải trả	48.647.162.146	48.647.162.146	60.802.896.510	60.802.896.510
Dài hạn	48.647.162.146	48.647.162.146	60.802.896.510	60.802.896.510
Gốc nợ thuế tài chính	48.647.162.146	48.647.162.146	60.802.896.510	60.802.896.510
Lãi thuế tài chính phải trả	69.226.259.865	69.226.259.865	78.790.190.177	78.790.190.177
Cộng	69.226.259.865	69.226.259.865	78.790.190.177	78.790.190.177

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán
 Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán
 e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thạnh, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
- Cty CP Du lịch Đồng Tháp	27.326.390.386	27.326.390.386	25.212.177.580	25.212.177.580
- Cty TNHH Hữu Sáng	22.842.525.600	22.842.525.600	20.163.666.000	20.163.666.000
- DNTN Kinh Doanh, Nông Sản Ba Dũng Đồng Tháp	1.519.592.500	1.519.592.500	2.830.269.600	2.830.269.600
- Đối tượng khác	2.964.272.286	2.964.272.286	2.218.241.980	2.218.241.980
b) Dài hạn				
Cộng	27.326.390.386	27.326.390.386	25.212.177.580	25.212.177.580

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán
 Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

d) Phải trả người bán là các bên liên quan
 Xem thuyết minh VIII.03

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.499.062.213	1.835.281.243	3.507.792.454	1.826.551.002
Thuế thu nhập cá nhân	71.807.771	78.404.170	60.101.381	90.110.560
Thuế GTGT		5.632.812.299	4.820.658.817	812.153.482
Cộng	3.570.869.984	7.546.497.712	8.388.552.652	2.728.815.044

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	1.691.333.425	1.294.894.118
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	124.805.240	110.562.368
Bảo hiểm xã hội	86.528.185	89.050.000
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.480.000.000	1.070.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		25.281.750
b) Dài hạn		
Cộng	1.691.333.425	1.294.894.118

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, CùM CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000			901.154.720	25.145.333.599	176.046.488.319
Tăng vốn trong năm trước	231.000.000.000				(1.000.000.000)	230.000.000.000
Lãi trong năm trước					21.360.816.186	21.360.816.186
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				1.113.686.728		1.113.686.728
Giảm vốn trong năm trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(1.670.530.092)	(1.670.530.092)
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	381.000.000.000			2.014.841.448	43.835.619.693	426.850.461.141
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay					24.416.731.901	24.416.731.901
Tăng do trích từ lợi nhuận				2.136.081.618		2.136.081.618
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(3.204.122.427)	(3.204.122.427)
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	381.000.000.000			4.150.923.066	65.048.229.167	450.199.152.233





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

15 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	301.926.000.000	79,25%	301.926.000.000	79,25%
Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia	301.926.000.000	79,25%	301.926.000.000	79,25%
Vốn góp của các đối tượng khác	79.074.000.000	20,75%	79.074.000.000	20,75%
Cộng	381.000.000.000	100,00%	381.000.000.000	100,00%

15 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	381.000.000.000	381.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	381.000.000.000	381.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		



15 . 4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.100.000	38.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		



15 . 5. Các quỹ của công ty:	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	4.150.923.066	2.014.841.448
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	4.124.884,68	274.119,09
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	900.390.309.521	658.856.437.387
Doanh thu dịch vụ	44.340.000.000	
Doanh thu khác		
Cộng	944.730.309.521	658.856.437.387
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Đối tượng	Mối quan hệ	Năm nay
+ Công ty CP ĐT và Phát Triển Đa Quốc Gia	Công ty mẹ	70.738.814.844
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	135.165.248.405

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		1.604.155.884
Cộng		1.604.155.884

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	866.850.015.109	606.331.156.936
- Giá vốn dịch vụ	13.704.637.002	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	184.349.570	
Cộng	880.739.001.681	606.331.156.936

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.169.354.931	3.040.811.715
Lãi bán các khoản đầu tư	7.736.100.000	1.364.875.118
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.047.078.329	3.443.892.588
Lãi tiền ứng trước khách hàng cá nhân		
Cộng	16.952.533.260	7.849.579.421

05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	30.971.070.144	14.457.591.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.227.893.326	719.688.004
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.406.920.348)	2.403.709.043
Chi phí tài chính khác	256.783.197	182.202.822
Cộng	30.048.826.319	17.763.191.215



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	51.055.500	
Chi phí công cụ, dụng cụ	249.400.000	
Chi phí nhân viên	695.988.000	368.639.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.500.569.154	8.204.927.794
Các khoản chi phí bán hàng khác	678.720.872	453.087.666
Cộng	17.175.733.526	9.026.654.470

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	3.755.813.112	3.392.207.395
Chi phí công cụ, dụng cụ	75.611.869	
Chi phí khấu hao	140.203.183	137.088.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.673.112	972.652.049
Thuế, phí, lệ phí	166.609.462	1.798.183.979
Các khoản chi phí QLDN khác	2.685.920.754	764.184.435
Cộng	7.439.831.492	7.064.316.172

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	64.185.616	
Cộng	64.185.616	

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	90.296.334	57.874.083
Các khoản khác	1.325.901	
Cộng	91.622.235	57.874.083

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	235.434.239.700	253.712.800.573
Chi phí nhân công	12.003.922.192	7.242.959.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.617.757.789	14.369.572.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.502.970.439	3.786.247.989
Chi phí khác bằng tiền	7.650.989.109	1.030.791.654
Cộng	288.209.879.229	280.142.372.059



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.825.340.651	3.497.851.862
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	9.940.592	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.835.281.243	3.497.851.862

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	24.416.731.901	21.360.816.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		1.068.040.809
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	38.100.000	36.185.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	641	561

(*) Điều chỉnh chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	Năm nay
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	10.672.134.354
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có	
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	890.357.717.450
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	610.371.591.691

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt	1.007.731.688	651.584.917



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty mẹ
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :		
	- Mua phụ phẩm cá	97.172.275
	- Bán thức ăn cá	55.554.744.800
	- Bán bột cá	15.184.070.044
	- Nhận chuyển nhượng hệ thống bồn chứa dầu	4.676.282.024
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai		
	- Xuất bán bột cá	135.145.599.405
	- Xuất bán mỡ cá	19.649.000
	- Cho vay	34.000.000.000
	- Tiền lãi tiền cho vay	883.770.800
	- Trích hộ tiền bảo hiểm	2.795.000
	- Mua thức ăn cho cá	55.542.352.400

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai		
	- Tiền bột cá biển	13.983.228.165
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai		
	- Tiền chi hộ bảo hiểm	86.528.185
+ Công ty CP ĐT Và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI		
	- Tiền thức ăn cá	1.915.255.200



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	638.498.285.919	306.232.023.602	944.730.309.521	182.395.461.653
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận			474.856.819.850	657.252.281.503
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	638.498.285.919	306.232.023.602	944.730.309.521	657.252.281.503
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.192.690.153	19.798.617.687	63.991.307.840	50.921.124.567
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		(24.615.565.018)	19.621.918.614	(16.090.970.642)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.375.742.822	39.375.742.822	39.375.742.822	34.830.153.925
Doanh thu hoạt động tài chính	16.952.533.260	(30.048.826.319)	16.952.533.260	7.849.579.421
Chi phí tài chính		64.185.616		(17.763.191.215)
Thu nhập khác		(91.622.235)		(57.874.083)
Chi phí khác		(1.835.281.243)		(3.497.851.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		24.416.731.901		21.360.816.186
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.946.004.439	2.946.004.439	2.946.004.439	205.990.260.174
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn		37.230.273.407		27.040.471.824





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THUY SÁN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Xuất khẩu
Tài sản bộ phận	219.773.571.863	43.244.660.442	263.018.232.305	111.867.955.622
Tài sản không phân bổ		832.591.147.313		684.196.327.987
Tổng tài sản	219.773.571.863	43.244.660.442	1.095.609.379.618	796.064.283.609
Nợ phải trả bộ phận	29.381.831.734	680.198.631	30.062.030.365	
Nợ phải trả không phân bổ		615.348.197.020		369.213.822.468
Tổng nợ phải trả	29.381.831.734	680.198.631	645.410.227.385	369.213.822.468

b. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.736.486.743	129.487.881.338	91.736.486.743	129.487.881.338
Phải thu khách hàng	161.819.763.905	111.864.955.872	161.819.763.905	111.864.955.872
Trả trước cho người bán	101.198.468.400	52.534.713.119	101.198.468.400	52.534.713.119
Các khoản phải thu khác	18.372.255.919	29.966.029.495	18.372.255.919	29.966.029.495
Đầu tư tài chính ngắn hạn	272.631.636.414		272.631.636.414	
Đầu tư tài chính dài hạn	64.368.973.891	(23.239.349)	49.099.473.891	(2.430.159.697)
Cộng	710.127.585.272	(23.239.349)	710.104.345.923	370.522.894.018





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thạnh, Lập Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	
Nợ phải trả tài chính	Giá trị	Số cuối năm	Giá trị	Số đầu năm	
Phải trả cho người bán	27.326.390.386	27.326.390.386	25.212.177.580	27.326.390.386	25.212.177.580
Người mua trả tiền trước	2.735.639.979	2.735.639.979	183.613.460	2.735.639.979	183.613.460
Vay và nợ	608.852.587.018	608.852.587.018	337.944.846.602	608.852.587.018	337.944.846.602
Phải trả người lao động					
Có phiếu chuyển đổi					
Các khoản phải trả khác					
Cộng	1.691.333.425	1.691.333.425	1.294.894.118	640.605.950.808	1.294.894.118
	640.605.950.808	640.605.950.808	364.635.531.760	640.605.950.808	364.635.531.760

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

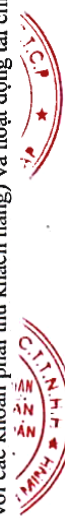
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DULỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL.80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	27.326.390.386			27.326.390.386
Người mua trả tiền trước	2.735.639.979			2.735.639.979
Vay và nợ	425.563.121.715	183.289.465.303		608.852.587.018
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.691.333.425			1.691.333.425
Cộng	457.316.485.505	183.289.465.303		640.605.950.808

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.124.884,68	274.117,29
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	1.758.243,60	426.254,20
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(29.938,32)	
Vay và nợ thuê tài chính	(1.361.988,73)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	4.491.201,23	700.373,29

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	2.038.853.141	314.467.607
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(2.038.853.141)	(314.467.607)

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN
 QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính
 năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	<i>Số cuối năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	187.800.000.000
Tài sản cố định	184.000.000
Bất động sản đầu tư	88.027.592.168
Hàng tồn kho	41.862.824.137

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ XUÂN QUẾ



